

Số: ~~8930~~./2026/LPBank.GOV

No.: ~~8930~~/2026/LPBank.GOV

Ninh Bình, ngày ~~25~~ tháng 4 năm 2026

Ninh Bình, 25/4/2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: NGÂN HÀNG LỘC PHÁT VIỆT NAM/ FORTUNE VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: LPB

- Địa chỉ/Address: Số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam/
No. 8, Lane 1, Ton Duc Thang Road, Street 11, Hoa Lu ward, Ninh Binh province, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 62 668 668

Fax: 024 62 669 669

- E-mail: vanphong@lpbank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc cập nhật và bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/Resolution of the Board of Directors regarding the update and supplementation of documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 25/4/2026 tại đường dẫn <https://lpbank.com.vn/nha-dau-tu/dai-hoi-co-dong/>. This information was published on the Bank's website on 25/4/2026 as in the link <https://lpbank.com.vn/nha-dau-tu/dai-hoi-co-dong/>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Nghị quyết số: 769/2026/NQ-BOD

Excerpt from Resolution No.:

769/2026/NQ-BOD

TU. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHÁNH VĂN PHÒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF LEGAL REPRESENTATIVE
CHIEF OF GOVERNANCE OFFICE



Nguyễn Văn Ngọc

Đơn vị: Hội đồng Quản trị
Số: 769/2026/NQ-BOD
Ngày: 24/04/2026

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Cập nhật và bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LPBANK

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Điều lệ LPBank;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 1980/2024/QC-HĐQT ngày 01/7/2024;

Căn cứ Tờ trình số 41/2026/TTr-ASD ngày 24/04/2026 của Văn phòng Quản trị;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 768/2026/BB-BOD ngày 24/04/2026.

QUYẾT NGHỊ:

1. Phê duyệt việc cập nhật và bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo danh mục đính kèm.
2. Giao Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Ban tổ chức) chỉ đạo các đơn vị, cá nhân triển khai công việc liên quan sau khi Hội đồng Quản trị phê duyệt.
3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban tổ chức, Văn phòng Quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan của LPBank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Như mục 3 (đề th/h);
- Lưu: VT, VPQT, phuongttq.

Phụ lục: Danh mục cập nhật, bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 769/2026/NQ-BOD ngày 24/4/2026 của Hội đồng Quản trị về việc cập nhật và bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

1. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
2. Tờ trình về việc góp vốn, thành lập pháp nhân tham gia hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam
3. Tờ trình của Hội đồng quản trị thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
4. Tờ trình thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2026
5. Tờ trình thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm
6. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát
7. Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
8. Tờ trình bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
9. Bãi bỏ 02 tờ trình:
 - Tờ trình số 621/2026/BC-BOD ngày 06/4/2026 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
 - Tờ trình số 624/2026/BC-BOD ngày 06/4/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
10. Cập nhật bổ sung 02 bản thuyết minh đính kèm Tờ trình số 623/2026/BC-BOD ngày 06/4/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Điều lệ LPBank và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.
11. Cập nhật nội dung Chương trình nghị sự dự kiến.

DỰ THẢO



CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN

PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

NGÂN HÀNG TMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM

Thời gian: Thứ Ba, ngày 28/4/2026

Địa điểm: Khách sạn Pullman Ninh Bình, số 128 đường Lê Thái Tổ,
khu đô thị Xuân Thành, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

STT	THỜI GIAN	CHI TIẾT NỘI DUNG
I	THỦ TỤC KHAI MẠC:	
1	Từ 8h00' đến 9h00'	Tiếp đón, kiểm tra tư cách cổ đông
2		Cổ đông nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử
3	Từ 9h00' đến 9h30'	Chào cờ
4		Phát Clip về hoạt động của LPBank năm 2025
5		Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự
6		Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Đại hội)
7		Biểu quyết thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình phiên họp Đại hội - Quy chế tổ chức Đại hội - Thành phần Ban kiểm phiếu Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký
II	NỘI DUNG CHÍNH:	
1	Từ 9h30' đến 10h15'	Diễn văn khai mạc phiên họp Đại hội
2		Báo cáo và các tờ trình trình Đại hội:
		- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026
		- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong năm tài chính 2025, định hướng hoạt động năm 2026
		- Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ năm 2027
		- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán
		- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025



STT	THỜI GIAN	CHI TIẾT NỘI DUNG
		<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về thù lao dành cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị - Tờ trình phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 - Tờ trình về việc góp vốn, thành lập pháp nhân tham gia hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam - Tờ trình về việc thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm - Tờ trình thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ - Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát - Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - Tờ trình bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
3	Từ	Biểu quyết thông qua Thẻ lệ biểu quyết, bầu cử
4	10h15'	Đại hội thảo luận, hỏi/đáp
5	đến 11h00'	Bỏ phiếu thông qua các nội dung tại Đại hội/Bầu cử
6	Từ	Nghỉ giải lao
7	11h00'	Công bố kết quả biểu quyết, bầu cử
8	đến 11h45'	Phát biểu của Đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
III	TỔNG KẾT BẾ MẠC:	
1	Từ 11h45'	Thông qua Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
2	đến 12h00'	Phát biểu tổng kết phiên họp/bế mạc

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đơn vị chủ trì: Hội đồng Quản trị

Số: 771/2026/TTr-BOD

Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;

Căn cứ Điều lệ LPBank;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của LPBank;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của LPBank như sau:

Đơn vị: VND

1	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(a)	14.268.888.424.055
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(b)	2.846.509.063.046
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	(c=a-b)	11.422.379.361.009
4	Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(d)=(c)x10%	1.142.237.936.101
5	Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(e)=(c-d)x10%	1.028.014.142.491
6	Lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ năm 2025	(f=c-d-e)	9.252.127.282.417
7	Lợi nhuận còn lại của các năm trước chuyển sang	(g)	257.001.297.045
8	Thặng dư vốn cổ phần	(h)	56.749.872
9	Tổng lợi nhuận có thể được phân phối cổ tức (sau khi có phê duyệt của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền)	(i=f+g)	9.509.128.579.462
10	Vốn điều lệ tại thời điểm phân phối	(k)	29.872.821.000.000
11	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2025	(l)	30,00%
12	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức	(m=l*k)	8.961.846.300.000
13	Lợi nhuận + thặng dư vốn cổ phần còn lại sau phân phối	(p=h+i-m)	547.339.029.334

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian thực hiện và tất cả các vấn đề liên quan để hoàn thành thủ tục chi trả cổ tức bằng tiền mặt, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và LPBank.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành;
- Lưu: VPQT, congnt.

Đơn vị: Hội đồng Quản trị

Số: 777/2026/TTr-BOD

Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: Góp vốn, thành lập Ngân hàng TNHH một thành viên 100% vốn của LPBank và pháp nhân khác tham gia hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Hội đồng Quản trị (HĐQT) LPBank kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua chủ trương thành lập Ngân hàng TNHH một thành viên trực thuộc LPBank (100% vốn của LPBank) hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (VIFC) và góp vốn, thành lập pháp nhân khác tham gia hoạt động trong VIFC, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết

Chủ trương góp vốn, thành lập Ngân hàng TNHH một thành viên trực thuộc LPBank và pháp nhân khác hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam là định hướng có tính chiến lược dài hạn của LPBank nhằm mở rộng phạm vi tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận chuẩn mực tài chính quốc tế. Việc mở hoạt động vào VIFC cho thấy LPBank đang từng bước:

- Đón đầu xu hướng hình thành hệ sinh thái tài chính quốc tế tại Việt Nam.
- Mở rộng phạm vi tăng trưởng ngoài mô hình hoạt động ngân hàng truyền thống khi doanh thu từ lãi tín dụng ngày càng bị cạnh tranh và thu hẹp. Theo đó, việc góp vốn, thành lập pháp nhân hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế giúp LPBank mở rộng sang các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao giúp đa dạng hóa nguồn thu và giảm phụ thuộc vào hoạt động tín dụng truyền thống như:
 - Dịch vụ tài chính quốc tế.
 - Quản lý tài sản, tư vấn đầu tư và huy động vốn quốc tế.
 - Quản lý, đầu tư tài sản số.
- Tăng khả năng tiếp cận dòng vốn và đối tác chiến lược quốc tế, nâng cao khả năng huy động vốn trung – dài hạn với chi phí ưu đãi.
- Gia tăng năng lực cạnh tranh và định vị thương hiệu ngân hàng.
- Kịp thời sử dụng cơ chế chính sách đặc thù và ưu đãi của nhà nước đối với VIFC.
- Góp phần thực hiện vai trò ngân hàng trong chiến lược phát triển quốc gia thúc đẩy hội nhập tài chính trong việc:
 - Thu hút vốn quốc tế.
 - Hỗ trợ phát triển thị trường vốn.
 - Góp phần nâng cao vị thế tài chính của Việt Nam trong khu vực.



2. Nội dung trình phê duyệt

HĐQT kinh trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt các nội dung như sau:

- a. Thông qua việc thành lập Ngân hàng TNHH một thành viên do LPBank là chủ sở hữu (100% vốn của LPBank) để thực hiện các hoạt động trong VIFC.
- b. Thông qua chủ trương góp vốn, thành lập pháp nhân hoạt động tại VIFC.
- c. Giao/ủy quyền cho HĐQT :
 - Quyết định hình thức, phương thức, trình tự, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định pháp luật hiện hành để tham gia và hoạt động trong VIFC.
 - Quyết định tên, hình thức pháp lý, mức vốn, nhân sự (bao gồm cả người đại diện theo pháp luật), cơ cấu tổ chức của pháp nhân mà LPBank góp vốn, thành lập.
 - Tổ chức hoàn thiện hồ sơ và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VPQT.

Đơn vị: Hội đồng Quản trị

Số: 772/2026/TTr-BOD

Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Hội đồng Quản trị (HĐQT) LPBank kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc niêm yết trái phiếu không phải là trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền do LPBank phát hành ra công chúng (Trái phiếu)
 - Thông qua việc niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán: (i) tất cả các Trái phiếu phát hành thành công trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; và (ii) tất cả các Trái phiếu phát hành thành công trong khoảng thời gian từ ngày hoàn thành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đến ngày hoàn thành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2027 theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
 - ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT được toàn quyền quyết định và tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký niêm yết, triển khai niêm yết, đăng ký giao dịch và các công việc khác liên quan đến vận hành Trái phiếu sau khi đã niêm yết trong suốt thời hạn Trái phiếu theo đúng quy định của pháp luật.
2. Xuất toán ngoại bảng đối với khoản vay đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro
 - a. Phê duyệt xuất toán 688 khoản nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật (Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024, Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024):
 - Có thời gian tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;
 - Đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được;
 - Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
 - b. Giao HĐQT tổ chức triển khai việc xuất toán ngoại bảng năm 2026 đối với các trường hợp cụ thể (khoản nợ, thời điểm..) trong phạm vi các khoản nợ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại điểm a nêu trên theo các quy định pháp luật.
3. Về việc mua/nhận chuyển nhượng/thuê tài sản
 - a. Sự cần thiết



Nhằm tiếp tục mở rộng mạng lưới cũng như nâng cấp khu vực làm việc cho toàn bộ cán bộ nhân viên, thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của hệ thống, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh, thương hiệu và vị thế của LPBank.

b. Nội dung đề xuất

- Đại hội đồng cổ đông đồng ý và thông qua việc LPBank thực hiện mua/nhận chuyển nhượng/thuê/mượn tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để làm trụ sở của Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng Giao dịch và các đơn vị khác trực thuộc LPBank; văn phòng làm việc/học tập/sinh hoạt và lưu trú cho cán bộ nhân viên. Tài sản thực hiện giao dịch bảo đảm các điều kiện tối thiểu như sau:
 - + Thuộc lãnh thổ Việt Nam;
 - + Đặt tại khu vực thành phố (Đô thị);
 - + Diện tích sử dụng trên 500m²;
 - + Tiếp giáp trục đường lớn (đường tối thiểu 2 làn xe) và chiều dài tiếp giáp từ 20m trở lên.
- Khi thực hiện mua/nhận chuyển nhượng/thuê/mượn tài sản, trong khuôn khổ đặc điểm nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đồng ý phê duyệt:
 - + Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định các nội dung liên quan đến đặc điểm tài sản, diện tích mua/nhận chuyển nhượng/thuê, giá mua/nhận chuyển nhượng/thuê, tỷ lệ đặt cọc/bảo đảm, phương thức/cách thức thanh toán, thỏa thuận nội dung hợp đồng... tùy theo tình hình thực tế đối với các tài sản cụ thể. Trường hợp giá trị 01 (một) tài sản mua/nhận chuyển nhượng/thuê lớn hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi nhận trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất tại thời điểm phát sinh giao dịch, Hội đồng quản trị được chủ động quyết định thực hiện và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất.
 - + Hội đồng quản trị được chủ động triển khai các nội dung công việc cụ thể để thực hiện các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và/hoặc giao/ủy quyền

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VPQT.

Đơn vị: Hội đồng Quản trị

Số: 778/2026/TTr-BOD

Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 thông qua việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của LPBank.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ LPBank,

Nhằm thu hút, khuyến khích và giữ chân nhân tài cũng như ghi nhận những đóng góp của cán bộ nhân viên đối với sự phát triển của Ngân hàng, Hội đồng quản trị LPBank (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 thông qua việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của LPBank chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, VPQT.



Phụ lục 01**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2026 THÔNG QUA VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA LPBANK**

(Đính kèm theo Tờ trình số 778/2026/TTr-BOD 24/4/2026 của Hội đồng Quản trị LPBank)

I. Phương án tăng vốn điều lệ**1. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ**

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường tài chính – ngân hàng, nguồn nhân lực chất lượng cao là lợi thế cạnh tranh then chốt cho sự phát triển bền vững. Nhằm khuyến khích, ghi nhận và tạo động lực gắn bó lâu dài cho đội ngũ cán bộ quản lý, lao động có thành tích xuất sắc, việc thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu ESOP là hết sức cần thiết. Việc tăng vốn với tỷ lệ phát hành nhỏ không gây áp lực đáng kể lên chi số pha loãng cổ phiếu hay tỷ lệ sở hữu của cổ đông hiện hữu, nhưng lại phát huy hiệu quả tạo động lực mạnh mẽ, góp phần:

- Nâng cao trách nhiệm, sự gắn kết và lòng trung thành của người lao động đối với Ngân hàng;
- Thu hút và giữ chân nhân tài trong bối cảnh thị trường lao động có nhiều biến động;
- Xây dựng cơ chế thưởng dài hạn, liên kết chặt chẽ với hiệu quả kinh doanh và thành quả quản trị;
- Tăng vốn điều lệ với tỷ lệ nhỏ góp phần cải thiện năng lực tài chính và các hệ số an toàn theo quy định.

Do đó, phương án tăng vốn điều lệ qua phát hành cổ phiếu ESOP là là phương án phù hợp, kịp thời, mang tính động lực cao mà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông.

2. Phương án chi tiết

- Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
- Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán	: LPB
- Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 2.987.282.100 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành tối đa	: 15.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu phát hành/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	: Tương đương 0,5% (không phải năm phần trăm)
- Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu



- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo giá phát hành dự kiến	: 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ hiện tại	: 29.872.821.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	: 30.022.821.000.000 đồng
- Hình thức phát hành	: Theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng
- Mục đích phát hành	: Ghi nhận sự gắn bó, nỗ lực và đóng góp tích cực của người lao động; đồng thời tạo động lực gắn kết, làm việc hiệu quả và tinh thần trách nhiệm cao cho người lao động khi tham gia Chương trình.
- Đối tượng phát hành, tiêu chuẩn, danh sách và nguyên tắc xác định số cổ phần cho từng đối tượng tham gia chương trình	: Người lao động của Ngân hàng đáp ứng tiêu chuẩn được quy định tại Phụ lục 02 của Tờ trình này. Ủy quyền cho HĐQT tính toán, quyết định chỉnh sửa bổ sung chi tiết danh sách người lao động trong trường hợp cần thiết để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành	: Tổng số tiền thu được sau khi phát hành cổ phiếu cho người lao động dự kiến được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh cho LPBank.
- Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết	: Trong trường hợp cán bộ nhân viên Ngân hàng không thực hiện mua, thực hiện mua không hết số cổ phiếu được mua thì HĐQT sẽ được quyền phân phối số cổ phiếu còn lại này cho người lao động khác của Ngân hàng với cùng mức giá bán bằng mức giá bán cho người lao động theo danh sách ban đầu. Số lượng cổ phiếu phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm và giải tỏa từng phần trong 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (theo tỷ lệ năm thứ nhất 40%, năm thứ hai 30%, năm thứ ba 30%). Trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không phát hành hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
- Chuyển nhượng quyền mua	: Người lao động được tham gia mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn người lao động không được phép chuyển nhượng quyền mua cho người khác.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	: LPBank không phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài, do đó không ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu mới được phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm và giải tỏa từng phần trong 03 năm (theo tỷ lệ năm thứ nhất 40%, năm thứ hai 30%, năm thứ ba 30%) kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.
- Phương án xử lý cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của cán bộ nhân viên Ngân hàng nghỉ việc/bị sa thải	: LPBank/Công đoàn LPBank được thực hiện mua lại cổ phiếu của Người lao động trong trường hợp Người lao động nghỉ việc/bị sa thải trước thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Giá mua lại bằng mức giá người lao động mua ưu đãi ban đầu. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án xử lý chi tiết đối với cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của cán bộ nhân viên Ngân hàng nghỉ việc/bị sa thải.
- Đơn vị tư vấn phát hành	: Do Hội đồng Quản trị lựa chọn và quyết định.
- Thời gian phát hành	: Trong Quý II hoặc Quý III năm 2026. Thời điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định sau được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Đăng ký, lưu ký và niêm yết cổ phiếu phát hành.	: Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

II. Kiến nghị của Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT:

- Phê duyệt tiêu chuẩn, danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định và số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện.
- Xây dựng và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Tính toán số liệu, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung cần thiết của Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026 để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo phê duyệt của ĐHCĐ;
- Quyết định thời điểm cụ thể để phát hành cổ phiếu và thực hiện các thủ tục với cơ quan quản lý Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của LPBank;
- Quyết định nội dung các hợp đồng và tài liệu, văn bản giấy tờ trong quá trình thực hiện thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn;



- Quyết định, lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động theo mức vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- ĐHĐCĐ phê duyệt sửa đổi Điều lệ Ngân hàng về nội dung vốn điều lệ. Giao HĐQT sửa đổi và hợp nhất các nội dung sửa đổi vào Điều lệ Ngân hàng, báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2026, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT toàn quyền thực hiện, hoàn chỉnh Phương án phát hành và/hoặc thực hiện các công việc khác có liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động hợp pháp, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động, cổ đông và Ngân hàng;
- Quyết định các nội dung khác phát sinh và/hoặc có liên quan đến việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 theo nguyên tắc đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, đảm bảo lợi ích tổng thể của LPBank và các cổ đông.



636
ANG
CỔ PH
IAT
AM
BINH

Phụ lục 02

TIÊU CHUẨN VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2026 CỦA LPBANK

(Đính kèm theo Tờ trình số 778/2026/TTr-BOD 24/4/2026 của Hội đồng Quản trị LPBank)

1. Tiêu chuẩn Người lao động được lựa chọn tham gia chương trình

- a. HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Thành viên các Ủy ban chuyên trách, Cố vấn HĐQT/ Cố vấn TGD có thời gian làm việc tại LPBank từ 1 năm trở lên tính đến 31/3/2026.
- b. CBNV đang làm việc tại LPBank hợp đồng lao động (HĐLĐ) xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn đồng thời thỏa mãn điều kiện thâm niên và kết quả xếp loại đánh giá thực hiện công việc như sau:

Band	Điều kiện thâm niên (tính đến 31/3/2026)	Điều kiện về xếp loại đánh giá thực hiện công việc năm 2023,2024, 2025
Band 6 trở lên ¹	Làm việc tại LPBank từ 1 năm trở lên.	xếp loại tất cả các năm từ A3 trở lên
Band 5 ²	Làm việc tại LPBank từ 3 năm trở lên	1 năm A3 + 2 năm A1 hoặc A2.

- c. CBNV thuộc phân khúc Talent pool (nhân tài) gồm:

- Tham gia các dự án trọng điểm của ngân hàng;
- Nhân sự thuộc các vị trí mỏng hẹp của thị trường (khó tuyển dụng thay thế);
- Nhân sự đang nắm giữ các vị trí trọng yếu về kinh doanh, quản trị rủi ro, vận hành;
- Nhân sự thuộc phân khúc nhân tài

- d. Không bao gồm: (i) các trường hợp có thông tin nghỉ việc, có đơn xin chấm dứt HĐLĐ, đang làm thủ tục chấm dứt HĐLĐ hoặc chấm dứt HĐLĐ tại thời điểm lập danh sách;(ii) CBNV đang thực hiện HĐLĐ với VNPost; (iii) CBNV đang tạm đình chỉ công tác hoặc đang xem xét hình thức kỷ luật sa thải hoặc đang tạm hoãn HĐLĐ.

2. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu

- a. Công thức xác định:

Mức cổ phiếu bán cho 1 CBNV	=	Mức cổ phiếu tiêu chuẩn x ($H_{thâm\ niên} + H_{band} + H_{XL}$)
-----------------------------	---	--

- b. Công thức xác định mức cổ phiếu tiêu chuẩn

Mức cổ phiếu tiêu chuẩn	=	13.500.000 ³
		$\sum_{n=1}^k (H_{thâm\ niên\ n} + H_{band\ n} + H_{XL})$

¹ PP Hội sở, PGĐCN/PGDL trở lên (Head Office Deputy Head / Deputy Branch Director or above.)

² Chuyên gia/thư ký /trợ lý/ GĐPGD/ PP HO/ TP ĐVKD...(Expert / Secretary / Assistant / Transaction Office Director / HO Deputy Head / Business Unit Head, etc)

³ 90% cổ phiếu phát hành

c. Hệ số theo thâm niên ($H_{thâm\ niên}$)

Thâm niên	>15 năm	>10 và ≤15 năm	>5 và ≤10 năm	>1 và ≤5 năm
Hệ số	0,65	0,6	0,55	0,5

d. Hệ số theo Band (H_{band})

Nhóm	Band 10	Band 9	Band 8	Band 7	Band 6	Band 5
Hệ số	90,0	30,0	10,0	4,0	2,0	1,0

e. Hệ số theo kết quả xếp loại đánh giá thực hiện công việc (H_{XL})

Hệ số cộng mỗi năm theo xếp loại

Xếp loại	Band 5	Band 6	Band 7	Band 8	Band 9	Band 10
A1	0,20	0,40	0,80	2,00	6,00	18,00
A2	0,14	0,28	0,56	1,40	4,20	12,60
A3	0,10	0,20	0,40	1,00	3,00	9,00

3. Nguyên tắc áp dụng:

- Số lượng cổ phiếu bán cho 1 CBNV được làm tròn xuống và làm tròn đến hàng chục.
- CBNV đồng thời thuộc từ 2 nhóm đối tượng trở lên thì áp dụng theo định mức bán cao nhất trong các nhóm đối tượng của CBNV.
- Quyền mua cổ phiếu ESOP nếu không thực hiện hết (*do CBNV không thực hiện quyền mua hoặc nghỉ việc...*) sẽ do HĐQT quyết định phân phối tiếp cho các cá nhân còn lại trong danh sách tham gia ESOP.

4. Kế toán và thuế

- Hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân: cá nhân tham gia chương trình phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành của pháp luật.
- Thuế đối với cổ tức nhận được từ cổ phiếu ESOP (nếu có): cá nhân tham gia chương trình phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành của pháp luật.
- Thời điểm chịu thuế: phát sinh tại thời điểm CBNV thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu ESOP (theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP)

- Quy định về hạn chế chuyển nhượng:** : Cổ phiếu mới được phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm và giải tỏa từng phần

W

trong 03 năm theo tỷ lệ sau:

Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ giải tỏa các năm nếu CBNV đạt xếp loại A3 trở lên		
	Hết năm thứ 1	Hết năm thứ 2	Hết năm thứ 3
3 năm	40%	30%	30%

- Trường hợp CBNV xếp loại A4: giải tỏa 70% theo quy định được giải tỏa từng năm.
- Trường hợp CBNV xếp loại A5: giải tỏa 50% theo quy định được giải tỏa từng năm.
- Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc năm trước liền kề.
- Cổ phiếu chưa được giải tỏa theo quy định không được cộng dồn sang các năm sau để tính tỷ lệ giải tỏa.
- Cổ phiếu của CBNV chưa được giải tỏa theo xếp loại của CBNV sẽ buộc phải bán lại cho LPBank vào năm giải tỏa của thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

6. Thu hồi cổ phiếu

- a. Cá nhân vi phạm kỷ luật lao động sa thải/ cách chức (có quyết định xử lý vi phạm kỷ luật lao động bằng văn bản).
- b. Cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật và đã bị các cơ quan thực thi pháp luật ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc tạm giam;
- c. Thu hồi cổ phiếu đối với CBNV nghỉ việc (thôi việc): Trường hợp nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động (HĐLĐ) với ngân hàng trước thời hạn hạn chế chuyển nhượng, sẽ buộc phải bán lại cho LPBank/Công đoàn LPBank số cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng, với mức giá bán lại bằng mức giá mua ưu đãi ban đầu.
- d. Thu hồi cổ phiếu đối với CBNV bị tai nạn dẫn đến việc không còn khả năng lao động (theo xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền) hoặc nghỉ hưu theo quy định hoặc qua đời trước thời hạn hạn chế chuyển nhượng: LPBank không thực hiện thu hồi và giải tỏa số cổ phiếu còn đang bị hạn chế chuyển nhượng của CBNV, đồng thời không áp dụng quy định phải bán lại cho LPBank số cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng.
- e. Cá nhân không còn thuộc nhóm đối tượng áp dụng trước thời hạn cổ phiếu được phép chuyển nhượng thì toàn bộ số lượng cổ phiếu chưa giải tỏa sẽ bị thu hồi.
- f. Trường hợp đặc biệt khác: HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét và quyết định từng trường hợp cụ thể. Riêng đối với Tổng Giám đốc sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
- g. Trường hợp LPBank/Công đoàn LPBank không mua hoặc không mua hết số cổ phiếu cần thu hồi của CBNV nghỉ việc và CBNV xếp loại A4, A5. HĐQT sẽ chỉ định một cá nhân hoặc tổ chức khác mua lại với mức giá bán lại bằng mức giá mua ưu đãi ban đầu.
- h. Trong trường hợp LPBank/Công đoàn LPBank hoặc cá nhân/tổ chức khác mua lại đã thanh toán (căn cứ theo ngày chuyển khoản thành công của ngân hàng chuyển tiền) trả lại tiền cổ phiếu cho người có cổ phiếu thuộc diện bị thu hồi nhưng LPBank chưa hoàn tất thủ tục thu hồi theo quy định thì tất cả các quyền có liên quan đến cổ phiếu bị thu hồi như cổ tức, cổ phiếu thưởng,... phát sinh (nếu có) sau ngày chuyển tiền cũng sẽ bị thu hồi.



Đơn vị chủ trì: Hội đồng quản trị

Số: 776/2026/TTr-BOD

Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Hội đồng Quản trị (HĐQT) LPBank kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua các nội dung cập nhật tại Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 (sau đây gọi tắt là Phương án), cụ thể như sau:

1. Bối cảnh

Năm 2025, LPBank đã xây dựng Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (Phương án) và trình ĐHĐCĐ thông qua theo tờ trình 930/2025/TTr-HĐQT và đã gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN).

Phương án đã đáp ứng theo các yêu cầu tại Luật Các tổ chức tín dụng, tuy nhiên trong quá trình rà soát, cập nhật tình hình triển khai các hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền và tham chiếu thông lệ thị trường, Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng - NHNN có ý kiến yêu cầu LPBank chủ động rà soát và cập nhật lại phương án theo hướng chi tiết, cụ thể hơn với một số nội dung (i) Thực trạng hoạt động của LPBank; (ii) các Kịch bản cụ thể cho từng trường hợp kèm nguyên nhân, cơ chế cảnh báo sớm và quy trình phối hợp thực hiện.

Tiếp thu chỉ đạo từ Cục quản lý giám sát tổ chức tín dụng – NHNN, LPBank rà soát và điều chỉnh/cập nhật Phương án để đảm bảo chi tiết hơn cho từng hành động.

2. Mục đích

Phương án xây dựng nhằm một số mục tiêu sau:

- Tuân thủ yêu cầu tại Điều 143, Luật Các tổ chức tín dụng;
- Thiết lập cơ chế phát hiện sớm các dấu hiệu suy giảm về tài chính, thanh khoản, chất lượng tài sản và quản trị điều hành của LPBank;
- Quy định các biện pháp khắc phục tương ứng nhằm:
 - Khôi phục trạng thái hoạt động an toàn, lành mạnh;
 - Bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Ngăn ngừa việc chuyển sang tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật.
- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, khách hàng và các bên liên quan;
- Đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định của hệ thống LPBank.



3. Đề xuất

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án điều chỉnh/cập nhật:

- Cơ sở xây dựng Phương án;
- Nguyên tắc xây dựng và triển khai Phương án;
- Thực trạng hoạt động tại LPBank;
- Phương án khắc phục các kịch bản rủi ro theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng 2024:
 - Cơ cấu tổ chức triển khai phương án khắc phục;
 - Chi tiết phương án khắc phục theo từng kịch bản.

(Chi tiết Phương án kèm theo Tờ trình này).

HĐQT trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thông qua.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VPQT.

PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 143 LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

LPBank luôn có kịch bản dự phòng đảm bảo ứng phó kịp thời với mọi diễn biến bất lợi có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Theo đó, bao gồm cả các kịch bản cho một số sự kiện bất thường theo quy định của Luật TCTD năm 2024

Các phương án này được xây dựng nhằm đảm bảo tính chủ động ứng phó cao nhất trong mọi tình huống, đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục của LPBank.

Cần nhấn mạnh rằng với tiềm lực tài chính và phương thức quản lý vô cùng chặt chẽ của LPBank hiện nay, không có bất kỳ thông tin/dấu hiệu nào cho thấy khả năng xảy ra các sự kiện này tại LPBank.

Ghi chú: Phương án sẽ được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt phù hợp thực tế hoạt động và tình hình thị trường.

I. Cơ sở xây dựng Phương án

Trong bối cảnh kinh tế, thị trường tài chính luôn biến động, LPBank xây dựng **Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (Phương án)** để tuân thủ quy định pháp luật, nhằm đảm bảo khả năng phản ứng kịp thời và hiệu quả khi Ngân hàng thuộc các trường hợp can thiệp sớm theo quy định pháp luật.

Phương án này được xây dựng trên cơ sở Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các quy định có liên quan, đồng thời phù hợp các thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro và phục hồi hoạt động trong điều kiện căng thẳng.

1. Mục tiêu phương án

Phương án này xây dựng nhằm một số mục tiêu:

- Thiết lập cơ chế phát hiện sớm các dấu hiệu suy giảm về tài chính, thanh khoản, chất lượng tài sản và quản trị điều hành của LPBank;
- Quy định các biện pháp khắc phục tương ứng nhằm:
 - Khôi phục trạng thái hoạt động an toàn, lành mạnh;
 - Bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Ngăn ngừa việc chuyển sang tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật.
- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, khách hàng và các bên liên quan;
- Đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định của hệ thống LPBank.

2. Nguyên tắc xây dựng và triển khai phương án

- Nguyên tắc tuân thủ pháp luật: Phương án can thiệp sớm được xây dựng và triển khai đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 143, Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và các văn bản, quy định pháp luật có liên quan.
- Nguyên tắc phòng ngừa chủ động:
 - LPBank thực hiện nhận diện, theo dõi và đánh giá các chỉ báo cảnh báo sớm nhằm phát hiện kịp thời dấu hiệu suy giảm;
 - Các biện pháp khắc phục được triển khai theo nguyên tắc: (i) Chủ động; (ii) Kịp thời; (iii) Không chờ đến khi xảy ra vi phạm nghiêm trọng;
 - Nguyên tắc khả thi và hiệu quả;

- Các biện pháp khắc phục phải đảm bảo có tính khả thi cao và có thể triển khai trong thời gian ngắn nhằm (i) Ưu tiên đảm bảo khả năng thanh khoản và an toàn hệ thống; (ii) tập trung xử lý các vấn đề cốt lõi (vốn, thanh khoản, nợ xấu...);
- Các biện pháp khắc phục phải đảm bảo cân đối giữ hiệu quả khắc phục và chi phí thực hiện.
- Nguyên tắc bảo vệ hệ thống
 - Việc triển khai phương án không được gây gián đoạn hoạt động thanh toán và cung ứng dịch vụ ngân hàng;
 - Hạn chế tối đa rủi ro lan truyền ảnh hưởng đến hệ thống tài chính.
- Nguyên tắc minh bạch: Phương án phải được báo cáo đầy đủ đến Ngân hàng Nhà nước.

II. Đánh giá thực trạng của LPBank

1. Tổng quan về LPBank

Tên giao dịch	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM
Tên viết tắt	LPBank
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	6300048638
Vốn điều lệ	29.872.821 triệu đồng
Vốn chủ sở hữu	47.192.474 triệu đồng
Địa chỉ	Số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam (*)
Số điện thoại	024 62 668 668
Số fax	024 62 669 669
Hotline	*8668
Website	www.lpbank.com.vn
Mã cổ phiếu	LPB

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
1. Quy mô vốn				
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	43.338	47.192	8,89%
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	25.576	29.873	16,80%

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
Tổng tài sản	tỷ đồng	508.330	605.585	19,13%
Tỷ lệ an toàn Vốn CAR	%	13,33%	11,87%	-1,46%
2. Kết quả kinh doanh				
Tổng huy động vốn		338.631	401.680	18,62%
Tiền gửi của Tổ chức kinh tế và cá nhân	tỷ đồng	283.172	337.583	19,22%
Tổng dư nợ cho vay	tỷ đồng	331.606	391.746	18,14%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	tỷ đồng	19.932	21.881	9,78%
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	15.394	16.034	4,16%
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	4.539	5.847	28,83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng	tỷ đồng	14.122	15.691	11,11%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12.168	14.269	17,26%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	9.721	11.422	17,50%
Tỷ suất sinh lời trên VCSH: ROE	%	25,10%	25,23%	0,13%
Tỷ suất sinh lời trên TTS: ROA	%	2,18%	2,05%	-0,13%
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	1.954	1.422	-27,21%
Chi phí hoạt động	tỷ đồng	5.810	6.190	6,53%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,57%	1,68%	0,12%
EPS	Đồng/cổ phiếu	3.221	3.824	18,72%

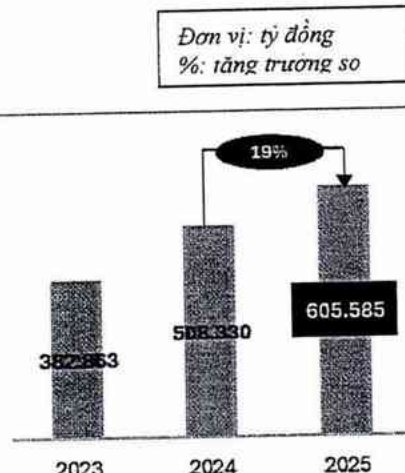
3. Tình hình hoạt động

a) Nhóm chỉ tiêu quy mô

TỔNG TÀI SẢN

605.585 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2024

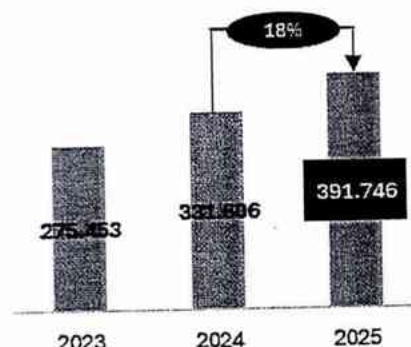
Năm 2025, LPBank tiếp tục mở rộng quy mô tổng tài sản so với năm trước, vượt 600 nghìn tỷ đồng. LPBank đã triển khai nhiều hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ, từ đó thu hút thêm khách hàng mới, tạo nền tảng cho tăng trưởng dư nợ tín dụng và huy động vốn trong năm 2025. Chất lượng tài sản luôn được củng cố, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định.



TÍN DỤNG

391.746 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2024

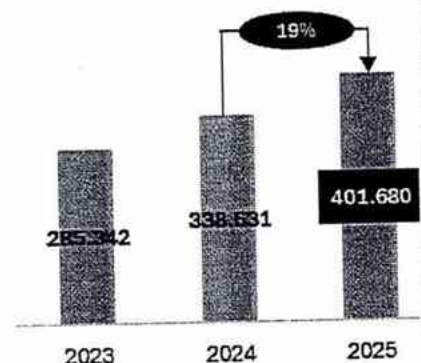
Dư nợ tín dụng tăng trưởng tích cực, đạt 391.746 tỷ đồng, tăng 18% so với cuối năm 2024. Thực hiện theo chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, trong năm 2025 LPBank đã chủ động tập trung nguồn vốn vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, công nghệ cao và sản xuất kinh doanh... nhằm thúc đẩy sự phục hồi và phát triển bền vững của nền kinh tế. Cho vay trong lĩnh vực bán lẻ tăng trưởng 20%, thể hiện đúng định hướng ưu tiên bán lẻ của ngân hàng.



HUY ĐỘNG VỐN

401.680 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2024

Tiếp tục đà tăng trưởng ổn định, tổng huy động vốn thị trường 1 của LPBank đạt mức 401.680 tỷ đồng vào cuối năm 2025. Nguồn vốn được cân đối phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo thanh khoản và tối ưu hóa lợi nhuận. Quy mô huy động vốn tăng đều qua các năm, khẳng định uy tín của LPBank trên thị trường. Tỷ trọng tiền gửi từ khách hàng cá nhân chiếm tới 62%, cao hơn 1% so với năm 2024, cho thấy hiệu quả của chiến lược kinh doanh.



TỶ LỆ NỢ XẤU

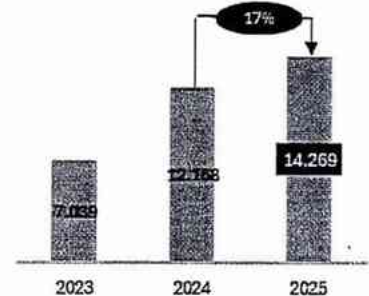
Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tỷ lệ nợ xấu của LPBank đạt 1,68%, nằm trong Top 10 ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất toàn ngành (tỷ lệ nợ xấu toàn ngành khoảng 1,84%). Kết quả này phản ánh chiến lược chủ động, thận trọng của LPBank trong việc kiểm soát chất lượng tài sản và giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn, qua đó bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững. Ngân hàng duy trì kỷ luật chặt chẽ trong tăng trưởng tín dụng, đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu quản lý rủi ro và tăng trưởng bền vững, đồng thời triển khai các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng tài sản và đẩy mạnh công tác thu hồi nợ.

b) Nhóm chỉ tiêu hiệu quả

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

14.269 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2024

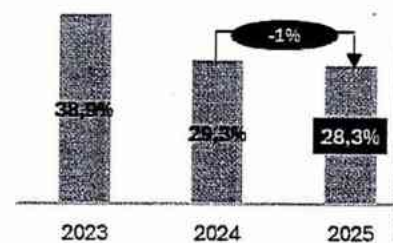
LPBank đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế 14.269 tỷ đồng trong năm 2025, tăng trưởng rất tích cực 17% so với năm 2024. Năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn và thách thức, ngân hàng đã tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp cả nước và triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp kinh doanh nhằm gia tăng thu nhập và quản lý chi phí hiệu quả.



TỶ LỆ CHI PHÍ TRÊN THU NHẬP (CIR)

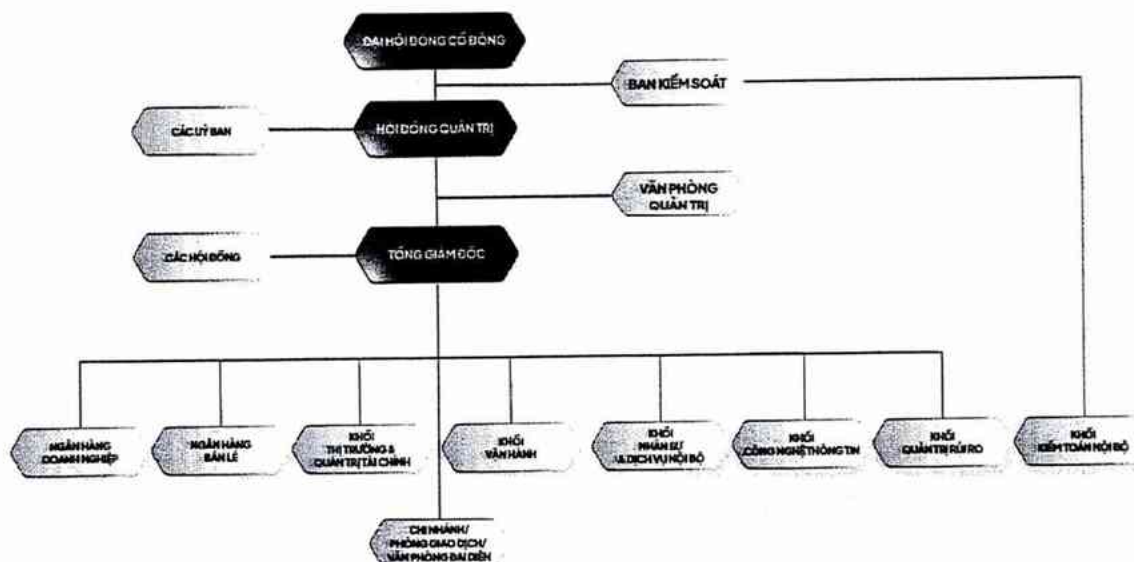
28,3%, giảm 1% so với năm 2024

LPBank thuộc nhóm các ngân hàng có CIR ở mức thấp nhất trong toàn ngành, đồng thời doanh thu thuần bình quân trên mỗi nhân sự trong năm 2025 tăng 27% so với năm trước. Kết quả này cho thấy hiệu quả tích cực trong việc tối ưu chi phí, nâng cao năng suất lao động, đầu tư vào chuyển đổi số cũng như ứng dụng công nghệ trong vận hành.



4. Thực trạng quản trị điều hành và hệ thống kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản trị điều hành



Các công ty con, công ty liên kết: Không có

b) Hệ thống kiểm soát nội bộ

- Hệ thống kiểm soát nội bộ

LPBank xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ gồm 03 tuyến bảo vệ độc lập:

- Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro bao gồm: Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp, Khối Thị trường và Quản trị Tài chính, Khối Vận hành, Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ, Các Phòng thuộc Khối Quản trị rủi ro gồm: Phòng Thu hồi nợ, Phòng Thẩm định, Phòng Phê duyệt tín dụng, Phòng Chính sách và Quản trị, Phòng Thẩm định giá; Chi nhánh, Phòng Giao dịch lớn, Phòng Giao dịch và các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.
 - Tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật gồm: Phòng Kiểm tra, giám sát nội bộ và Phòng Quản lý rủi ro thuộc Khối Quản trị rủi ro.
 - Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ do Khối Kiểm toán nội bộ thực hiện. Khối Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát, có chức năng thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Về quy trình, chính sách: LPBank đã rà soát, hoàn thiện, chuẩn hóa lại hệ thống các quy định, quy trình nội bộ đảm bảo phù hợp, tuân thủ quy định của NHNN và quy định của pháp luật có liên quan. Thẩm quyền phê duyệt các quy định nội bộ cũng được phân cấp đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc quy định tại thông tư 13.
- Hệ thống thông tin quản lý: LPBank xây dựng hệ thống thông tin quản lý để cung cấp thông tin, báo cáo nội bộ cho HĐQT, BKS, TGD và các cá nhân, bộ phận liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ cơ bản đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13.

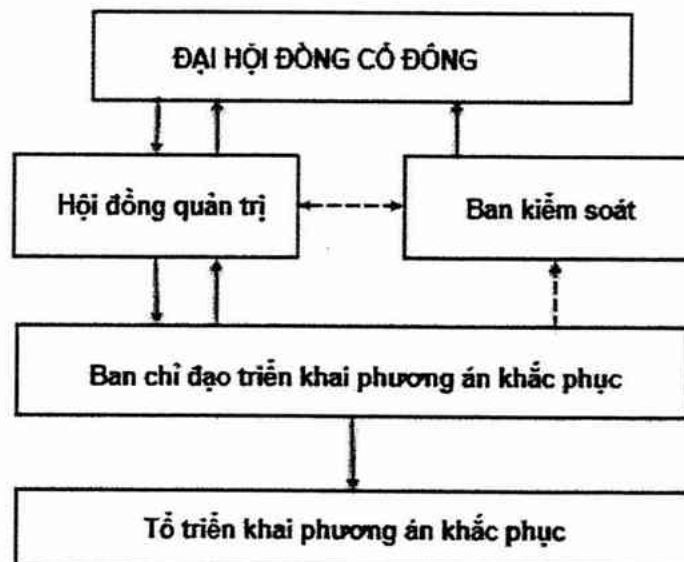
III. Phương Án khắc phục Các kịch bản rủi ro theo quy định Luật TCTD 2024

1. Các trường hợp được can thiệp sớm

Theo Khoản 1, Điều 156 Luật các Tổ chức tín dụng, LPBank được NHNN xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp can thiệp sớm trong một số trường hợp sau:

- Số lỗ lũy kế của LPBank lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các TCTD.
- Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN.
- Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật các TCTD trong thời gian 30 ngày liên tục;
- Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các TCTD trong thời gian 06 tháng liên tục;
- Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Cơ cấu tổ chức triển khai Phương án khắc phục



a) Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

- Thông qua Phương án khắc phục dự kiến và phê duyệt các nội dung cập nhật, điều chỉnh Phương án khắc phục dự kiến định kỳ ít nhất 02 năm/1 lần.
- Thông qua các nội dung, biện pháp khắc phục cập nhật theo thẩm quyền quy định tại Luật các TCTD, Điều lệ của LPBank và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Vai trò, trách nhiệm Hội đồng Quản trị

- Chịu trách nhiệm trước ĐCĐCĐ về phương án khắc phục dự kiến;
- Trình ĐHĐCĐ thông qua phương án khắc phục dự kiến;
- Thông qua Phương án khắc phục cập nhật khi LPBank thuộc một trong các trường hợp bị xem xét, quyết định can thiệp sớm theo quy định của Luật các TCTD;
- Thực hiện các yêu cầu, biện pháp theo quy định của Pháp luật và/hoặc yêu cầu của NHNN; Đề xuất, kiến nghị các biện pháp hỗ trợ theo quy định tại Điều 159, Luật các TCTD;

- Quyết định các nội dung chi tiết và tổ chức, thực hiện, cập nhật, điều chỉnh Phương án khắc phục, gia hạn thời hạn thực hiện phương án khắc phục, các biện pháp khắc phục phù hợp với quy định tại Luật các TCTD và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Ban chỉ đạo triển khai Phương án khắc phục

- Thành phần Ban chỉ đạo triển khai phương án khắc phục:

- Trưởng ban: Tổng Giám đốc
- Thành phần Ban chỉ đạo: Các Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban điều hành

- Vai trò của Ban chỉ đạo

Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai Phương án khắc phục và các vấn đề có liên quan đến việc LPBank thuộc trường hợp bị can thiệp sớm với các chức năng, nhiệm vụ:

- Xác định nguyên nhân dẫn đến bị can thiệp sớm;
- Trình HĐQT các nội dung cập nhật, điều chỉnh Phương án khắc phục khi LPBank thuộc một trong các trường hợp bị xem xét, quyết định được can thiệp sớm theo quy định tại Luật các TCTD;
- Báo cáo HĐQT về kết quả triển khai Phương án (bao gồm: nội dung, cập nhật, bổ sung), việc thực hiện các yêu cầu từ NHNN, Cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Phương án khắc phục;
- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh và tổ chức thực hiện Phương án; Đề xuất, tham mưu cho HĐQT về việc thực hiện các biện pháp/giải pháp khắc phục, yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các nội dung khác có liên quan đến Phương án khắc phục và tình trạng được can thiệp sớm;
- Phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai các kịch bản, kế hoạch, phương án ứng phó, xử lý các vấn đề dẫn đến can thiệp sớm, giảm thiệt hại về người, tài sản ngân hàng và bảo vệ lợi ích hợp pháp của khách hàng, cổ đông (trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT);
- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai phương án khắc phục, các quyết định/yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Làm việc, báo cáo, đề xuất với NHNN, Cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc cập nhật, báo cáo, triển khai Phương án khắc phục và các nội dung có liên quan theo quy định pháp luật, phù hợp phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT.

d) Tổ triển khai phương án khắc phục

- Tổ triển khai phương án khắc phục do Ban Chỉ đạo thành lập, chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo trong việc triển khai các nội dung cụ thể của Phương án khắc phục.

- Vai trò, nhiệm vụ của Tổ triển khai phương án:

- Tham mưu, đề xuất cho Ban chỉ đạo việc triển khai Phương án khắc phục trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ;
- Triển khai các biện pháp khắc phục, giải pháp và các nội dung khác theo Phương án khắc phục thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ;
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình và tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai Phương án khắc phục (theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ) đến Ban chỉ đạo/Ban lãnh đạo;
- Làm việc, báo cáo, đề xuất với NHNN, Cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình xây dựng, cập nhật, triển khai phương án khắc phục khi được can thiệp sớm theo phân công, phù hợp quy định pháp luật và phê duyệt của Cấp có thẩm quyền;

- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quyết định của Ban chỉ đạo.

3. Phương án khắc phục chi tiết

3.1. Trường Hợp Lỗ Lũy Kế >15% Vốn Điều Lệ

a) Nguyên nhân

- Không đạt doanh thu kế hoạch
 - Tăng trưởng tín dụng thấp hơn dự kiến;
 - Thu nhập ngoài lãi suy giảm.
- Chi phí hoạt động tăng cao
 - Chi phí vận hành, nhân sự, đầu tư tăng cao;
 - Hiệu quả sử dụng chi phí chưa tối ưu.
- Nợ xấu gia tăng
 - Gia tăng nhóm nợ xấu dẫn đến trích lập dự phòng tăng cao;
 - Biến động bất lợi của thị trường/khách hàng.

b) Dấu hiệu nhận biết

- Khi số lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của Ngân hàng đạt các ngưỡng cảnh báo:
 - Cảnh báo sớm: $\geq 5\%$ vốn điều lệ (tính theo số liệu hiện tại ~1.494 tỷ);
 - Cảnh báo mức cao: $\geq 10\%$ (tính theo số liệu hiện tại ~2987 tỷ);
 - Cảnh báo mức nghiêm trọng: $\geq 15\%$ (tính theo số liệu hiện tại ~4.481 tỷ).

Ghi chú: Số liệu tính toán giả định dựa trên vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2025 (29.873 tỷ).

- Cơ chế theo dõi:
 - Tần suất giám sát: Hàng ngày, hàng tháng, hàng quý
 - Cơ chế cảnh báo: Báo cáo định kỳ & báo cáo đột xuất khi đến ngưỡng cảnh báo.
- Đơn vị theo dõi:
 - Khối TT&QTTC: theo dõi số chi phí hoạt động, số lợi nhuận/lỗ lũy kế;
 - Khối Quản trị rủi ro: theo dõi nợ xấu, dự phòng;
 - Khối Kinh doanh (NHBL, NHDN): theo dõi doanh thu.

c) Các biện pháp dự kiến khắc phục

STT	BPKP dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
1	Tăng vốn điều lệ	Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ (phát hành cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi...) kèm quy mô, lộ trình và phương thức thực hiện. Hoàn thiện hồ sơ trình cấp	Bổ sung vốn điều lệ theo phương án được phê duyệt.	Văn Phòng Quản trị Khối QTRR Khối TT&QTTC	6-12 tháng

STT	BPKP dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
		có thẩm quyền và triển khai.			
2	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh	<p>Rà soát danh mục tài sản có rủi ro; hạn chế/tạm dừng cấp tín dụng mới vào phân khúc rủi ro cao, cân đối danh mục sang tài sản rủi ro thấp.</p> <p>- Tái cấu trúc lại danh mục đầu tư: dừng hoặc thoái vốn khỏi các khoản đầu tư/hoạt động ngân hàng không hiệu quả.</p> <p>- Tăng cường thu hồi nợ, xử lý nợ xấu; Rà soát phân loại nợ và trích lập dự phòng; tối ưu xử lý tài sản đảm bảo / bán nợ theo quy định.</p>	<p>Giảm tài sản có rủi ro; Cải thiện chất lượng tài sản.</p> <p>- Giảm tốc độ tăng lỗ kết quả kinh doanh cải thiện; giảm tốc độ tăng lỗ lũy kế.</p>	<p>Khối Kinh doanh (NHBL, NHDN)</p> <p>Khối TT&QTTC</p> <p>Khối QTRR</p>	6-12 tháng
3	Kiểm soát và tối ưu chi phí	<p>- Rà soát toàn bộ chi phí OPEX</p> <p>- Cắt giảm/giãn/hoãn: Chi phí không thiết yếu và các công trình XD/CB, các Dự án CNTT chưa cấp bách</p> <p>- Tối ưu nhân sự, nâng cao năng suất lao động</p> <p>- Kiểm soát chi phí mua sắm, thuê ngoài</p>	Tối ưu chi phí hoạt động	<p>Khối TT&QTTC</p> <p>Khối NH&DVNB</p> <p>Khối CNTT</p>	3-6 tháng
4	Nâng cao hoạt động quản trị, điều hành	<p>- Rà soát, kiện toàn mô hình tổ chức, phân cấp thẩm quyền.</p> <p>- Tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.</p> <p>- Nâng tần suất giám sát và báo cáo.</p>	<p>- Tăng hiệu quả điều hành, rút ngắn thời gian ra quyết định.</p> <p>- Giảm sai sót vận hành, nâng cao mức độ tuân thủ</p>	<p>Ban điều hành</p> <p>Khối QTRR</p> <p>Các Khối Hội sở</p> <p>Toàn bộ ĐVKD</p>	6-12 tháng
5	Biện pháp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền	<p>- Tiếp nhận và triển khai kịp thời các chỉ đạo của NHNN và cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Phối hợp các đơn vị nội bộ để thực hiện.</p>	Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Cơ quan quản	<p>Ban chỉ đạo</p> <p>Tổ triển khai phương án khắc phục</p>	

STT	BPKP dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
			lý Nhà nước		

Ghi chú: Chi tiết giải pháp mục 2 và 3 xem tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm theo Phương án này.

d) Quy trình phối hợp thực hiện

Quy trình phối hợp chung khi phát sinh tình trạng lỗi theo các mức cảnh báo ở trên, các đơn vị phối hợp xử lý theo trình tự sau:

Bước 1 – Phát hiện/Nhận diện

- Khối TT&QTTTC theo dõi/ xác định số lỗi lũy kế theo tần suất Hàng ngày, hàng tháng, hàng quý.
- Trường hợp số lỗi lũy kế chạm ngưỡng cảnh báo sớm tại mục 3, 3.1, b): báo cáo Ban chỉ đạo

Bước 2- Xác định nguyên nhân:

- Ban chỉ đạo triển khai Phương án chỉ đạo các Đơn vị có liên quan vào Tổ triển khai phương án khắc phục;
- Tổ triển khai phương án khắc phục rà soát, xác định nguyên nhân gây lỗi.

Bước 3- Xây dựng phương án khắc phục

- Tổ triển khai phương án đề xuất biện pháp khắc phục trình Ban Chỉ đạo phê duyệt.

Bước 4- Phê duyệt phương án

- Phê duyệt phương án theo phân cấp tại Cơ cấu tổ chức triển khai Phương án khắc phục.

Bước 5 - Triển khai

- Tổ triển khai phương án và các Đơn vị có liên quan triển khai các biện pháp khắc phục theo phê duyệt.

Bước 6 – Báo cáo

- Tổ triển khai phương án khắc phục thực hiện báo cáo tiến độ triển khai Phương án khắc phục đến Ban chỉ đạo, Hội đồng Quản trị (định kỳ tối thiểu hàng tuần);
- Trường hợp nghiêm trọng: thực hiện báo cáo đến NHNN theo quy định.

3.2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định Thống đốc NHNN

a) Nguyên nhân

Xác định các chỉ tiêu về vốn, chất lượng tài sản, quản trị điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh, khả năng thanh khoản, mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường chưa đảm bảo, dẫn đến giảm mức điểm chấm theo quy định Thông tư 52.

b) Dấu hiệu nhận biết (dấu hiệu nhận biết và cơ chế theo dõi, ai theo dõi,...) và biện pháp khắc phục

STT	Chỉ tiêu	Dấu hiệu nhận biết	Cơ chế theo dõi	Biện pháp khắc phục
1	Vốn	Mục 3.4	Mục 3.4	Mục 3.4

STT	Chỉ tiêu	Dấu hiệu nhận biết	Cơ chế theo dõi	Biện pháp khắc phục
2	Chất lượng tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng tỷ lệ nợ xấu, nợ nhóm 2 và nợ tiềm ẩn rủi ro; - Gia tăng tập trung khách hàng. - Trích lập dự phòng rủi ro: tỷ lệ bao phủ nợ xấu suy giảm/thấp - Các hạn chế/vi phạm trong công tác quản lý rủi ro tín dụng được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra gia tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng QLRR (đầu mối) phối hợp với các Khối/Phòng thực hiện theo dõi định kỳ và đột xuất: +Hàng tháng, Phòng QLRR theo dõi +Báo cáo cảnh báo sớm được gửi Ban Điều hành/Ủy ban quản lý rủi ro khi các chỉ tiêu vượt ngưỡng cảnh báo; +Phối hợp với các đơn vị kinh doanh/Khoảng nghiệp vụ trong việc rà soát và đánh giá danh mục tín dụng, đặc biệt là các chỉ tiêu định lượng về chất lượng tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát chặt chẽ chính sách tín dụng, điều chỉnh khẩu vị rủi ro theo hướng thận trọng hơn; - Hạn chế hoặc tạm dừng cấp tín dụng đối với các lĩnh vực, phân khúc có mức độ rủi ro cao; - Tăng cường rà soát, phân loại nợ, đánh giá lại khả năng trả nợ của khách hàng; - Đề xuất các biện pháp xử lý, thu hồi nợ, cơ cấu lại danh mục tín dụng; - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sau vay và nâng cao chất lượng đánh giá tín dụng.
3	Quản trị điều hành	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động cao, đến từ chi phí hoạt động tăng cao hoặc doanh thu giảm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tần suất giám sát: hàng ngày, hàng tháng, hàng quý - Phòng QTTC (đầu mối) phối hợp với các Khối/Phòng thực hiện theo dõi định kỳ và đột xuất: +Dự phóng kết quả kinh doanh, chi phí hoạt động định kỳ hàng tháng, quý để đưa ra cảnh báo, đề xuất +Theo dõi phát sinh hàng ngày, báo cáo hàng tháng kết quả kinh doanh tới ban lãnh đạo, Ủy ban quản lý rủi ro các chỉ tiêu vượt ngưỡng cảnh báo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát và tối ưu chi phí: Cắt giảm/giãn/hoãn: Chi phí không thiết yếu và các công trình XDCCB, các Dự án CNTT chưa cấp bách; Tối ưu nhân sự, nâng cao năng suất lao động; Kiểm soát chi phí mua sắm, thuê ngoài - Tăng cường doanh thu: cắt giảm các hoạt động kinh doanh không hiệu quả, tăng cường doanh thu (NHBL, NHDN xây dựng biện pháp); thúc đẩy rà soát và thu nợ xấu của khách hàng (Khối QTRR xây dựng biện pháp)
4	Kết quả hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập lãi cận biên (NIM), tỷ lệ thu nhập trước thuế trên tổng tài sản bình quân, tỷ lệ thu nhập trước thuế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tần suất giám sát: hàng tháng, hàng quý - Phòng QTTC (đầu mối) phối hợp với các 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường doanh thu: cắt giảm các hoạt động kinh doanh không hiệu quả, tăng cường doanh thu (NHBL, NHDN xây dựng

STT	Chỉ tiêu	Dấu hiệu nhận biết	Cơ chế theo dõi	Biện pháp khắc phục
	kinh doanh	trên vốn chủ sở hữu bình quân giảm. - Số ngày phải thu lãi tăng, do gia tăng tỷ lệ các khoản phải thu lãi trên tổng doanh thu.	Khối/Phòng thực hiện theo dõi định kỳ và đột xuất: +Phối hợp với các đơn vị kinh doanh/Khối nghiệp vụ dự phóng kết quả kinh doanh định kỳ hàng tháng, quý để đưa ra cảnh báo, đề xuất cải thiện các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh. +Theo dõi phát sinh hàng ngày, báo cáo hàng tháng kết quả kinh doanh tới ban lãnh đạo, Ủy ban quản lý rủi ro các chỉ tiêu vượt ngưỡng cảnh báo. +Theo dõi hoạt động huy động, cho vay, đưa ra các cảnh báo về các mức lãi suất chưa phù hợp, và định hướng lãi suất nhằm đảm bảo khả năng sinh lời.	biện pháp); thúc đẩy rà soát và thu nợ xấu của khách hàng (Khối QTRR xây dựng biện pháp - Giảm số ngày phải thu: hạn chế hoặc tạm dừng cấp tín dụng có các kỳ trả lãi dài, tối ưu kỳ trả lãi; tăng cường rà soát, phân loại nợ, đánh giá lại khả năng trả nợ của khách hàng và thúc đẩy thu hồi nợ xấu. - Kiểm soát và tối ưu chi phí: Cắt giảm/giãn/hoãn: Chi phí không thiết yếu và các công trình XDCB, các Dự án CNTT chưa cấp bách; Tối ưu nhân sự, nâng cao năng suất lao động; Kiểm soát chi phí mua sắm, thuê ngoài - Kiểm soát và tối ưu chi phí dự phòng: giám sát chặt chẽ chính sách tín dụng, điều chỉnh khẩu vị rủi ro theo hướng thận trọng hơn; hạn chế hoặc tạm dừng cấp tín dụng đối với các lĩnh vực, phân khúc có mức độ rủi ro cao; tăng cường rà soát, phân loại nợ, đánh giá lại khả năng trả nợ của khách hàng
5	Khả năng thanh toán	Mục 3.3	Mục 3.3	Mục 3.3
6	Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường	- Tỷ lệ nhạy cảm lãi suất tăng cao, vượt ngưỡng trung bình theo quy định xếp hạng; - Cơ cấu tài sản – nguồn vốn chưa hợp lý, thiếu cân đối về quy mô các	- Khối QTRR (đầu mối) phối hợp với các Khối/Phòng liên quan thực hiện: +Theo dõi định kỳ (hàng tháng) tỷ lệ nhạy cảm lãi suất và quy mô tài sản, nợ	- Điều chỉnh cơ cấu tài sản – nguồn vốn theo hướng cân đối giữa tài sản và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất; - Kiểm soát tăng trưởng tài sản nhạy cảm với lãi suất, gắn với khả năng huy động

STT	Chi tiêu	Dấu hiệu nhận biết	Cơ chế theo dõi	Biện pháp khắc phục
		khoản mục nhảy cảm lãi suất; - Tài sản nhảy cảm lãi suất tăng nhanh trong khi nợ phải trả nhảy cảm lãi suất tăng chậm hơn hoặc suy giảm, làm gia tăng chênh lệch giữa tài sản và nguồn vốn nhảy cảm lãi suất; - Gia tăng các khoản mục tài sản có phát sinh lãi (cho vay, đầu tư...) nhưng không đi kèm với sự gia tăng tương ứng của nguồn vốn chịu lãi;	phải trả nhảy cảm lãi suất; + Thực hiện dự phóng định kỳ (hàng tháng/quý) tỷ lệ nhảy cảm lãi suất trên cơ sở bảng cân đối dự kiến do Khối TT&QTTC xây dựng; trường hợp kết quả dự phóng cho thấy chỉ tiêu không đạt mục tiêu xếp hạng, Khối QTRR thực hiện đưa ra cảnh báo và khuyến nghị đối với Khối TT&QTTC và các đơn vị liên quan (NHBL, NHDN) để có phương án điều chỉnh kịp thời; + Báo cáo cảnh báo sớm được gửi Ban Điều hành ro khi chỉ tiêu không đạt mục tiêu xếp hạng;	nguồn vốn nhảy cảm với lãi suất tương ứng; - Điều hành linh hoạt chính sách lãi suất nhằm đảm bảo cân đối giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn; - Tăng cường công tác quản lý, điều tiết bảng cân đối, chủ động triển khai các biện pháp điều chỉnh quy mô và cơ cấu tài sản – nguồn vốn;

(Ghi chú: Chi tiết bảng dấu hiệu theo dõi xem tại Phụ lục 03 kèm theo Phương án này)

c) Quy trình phối hợp thực hiện

- Ngân hàng đã thành lập Tổ chỉ đạo giám sát các chỉ tiêu chấm điểm xếp hạng, Tổ chỉ đạo Phân công nhiệm vụ, giám sát các Đơn vị liên quan trên toàn hệ thống trong việc thực hiện các tiêu chí theo Thông tư chấm điểm xếp hạng.
- Hàng tháng, P.QLRR là đơn vị đầu mối tổng hợp theo dõi các chỉ tiêu, cụ thể:
 - Các Khối nghiệp vụ quản lý các chỉ tiêu có trách nhiệm thực hiện theo dõi định kỳ và đột xuất và gửi thông tin về P.QLRR;
 - P.QLRR thực hiện đánh giá và xác định các chỉ tiêu cần chú ý và đưa ra đề xuất cải thiện các tiêu chí chấm điểm;
 - Các Khối nghiệp vụ quản lý các chỉ tiêu có trách nhiệm đề xuất các giải pháp cải thiện các tiêu chí chấm điểm;
 - P.QLRR thực hiện tổng hợp và báo cáo Ban chỉ đạo xếp hạng ngân hàng và Chủ tịch HĐQT để xin ý kiến;
 - Ban chỉ đạo xếp hạng ngân hàng và Chủ tịch HĐQT chỉ đạo các phương án hành động để cải thiện các tỷ lệ chấm điểm, đảm bảo mục tiêu điểm xếp hạng Ngân hàng;

3.3. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả (KNCT) 30 Ngày

a) Nguyên nhân

Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày có thể phát sinh khi Ngân hàng không duy trì được sự cân đối giữa tài sản có tính thanh khoản cao và dòng tiền ra ròng trong kỳ hạn 30 ngày, bao gồm một hoặc đồng thời các nguyên nhân sau:

- Mất cân đối dòng tiền trong kỳ hạn 30 ngày;
- Chính sách kinh doanh và sử dụng vốn chưa gắn chặt với khả năng nguồn vốn;
- Phụ thuộc vào nguồn vốn kém ổn định, dễ biến động theo thị trường;
- Biến động bất lợi từ thị trường hoặc yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi khách hàng và khả năng huy động vốn;
- Dấu hiệu nhận biết (dấu hiệu nhận biết và cơ chế theo dõi, ai theo dõi,...).

Dấu hiệu định lượng:

- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản, Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với VND và/hoặc ngoại tệ có xu hướng giảm, vượt ngưỡng cảnh báo và vi phạm mức quy định của NHNN và Ngân hàng;
- Giá trị tài sản có tính thanh khoản cao có khả năng sụt giảm trên 30% giá trị trong vòng 30 ngày tới do đến kỳ đáo hạn hoặc rút trước hạn hoặc bán các GTCG bao gồm cả các loại GTCG được phép giao dịch với NHNN theo quy định của NHNN hoặc các loại tín phiếu, trái phiếu do Chính phủ, NHNN Trung ương các nước có mức xếp hạng từ AA trở lên phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- Ngân hàng có kế hoạch cầm cố GTCG để giao dịch với NHNN với giá trị lớn, ảnh hưởng đến tỷ lệ khả năng chi trả;
- Các khoản cấp tín dụng (cho vay thị trường 1 và thị trường 2, đầu tư trái phiếu...) sẽ đáo hạn nhiều trong vòng 30 ngày tới làm dòng tiền vào trong tương lai giảm;
- Phát sinh các giao dịch có quy mô lớn ảnh hưởng đến khả năng chi trả như cầm cố GTCG, giao dịch ngoại tệ phái sinh.

Dấu hiệu định tính:

- Có các dấu hiệu từ bên trong nội bộ của Ngân hàng: mức độ rủi ro tăng mạnh tại một lĩnh vực kinh doanh hoặc một sản phẩm kinh doanh; tập trung hóa tài sản Có hoặc tài sản Nợ; các chỉ số về chất lượng của tài sản Nợ giảm; lợi nhuận Ngân hàng giảm; tài sản Có tăng nhanh bằng tài trợ từ nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng hoặc các nguồn vốn bán buôn không ổn định, chi phí vốn tăng...;
- Có các thay đổi đột xuất về kế hoạch kinh doanh/giá trị giao dịch trong ngày tại một số chỉ tiêu trọng yếu (giao dịch liên ngân hàng, đầu tư chứng khoán nợ, tăng trưởng tín dụng, công cụ tài chính phái sinh, nguồn vốn huy động biến động...);
- Có các dấu hiệu từ bên ngoài: Tin đồn trên thị trường gây ảnh hưởng không tốt đến uy tín của Ngân hàng; các giao dịch có quy mô lớn bị giảm; khách hàng gửi tiền có yêu cầu rút tiền hàng loạt trước thời hạn; Ngân hàng phải mua lại GTCG đã phát hành trên thị trường; các định chế tài chính yêu cầu có tài sản bảo đảm để cấp tín dụng cho LPBank.

b) Cơ chế theo dõi

- Khối QTRR thực hiện tính toán, theo dõi và báo cáo chính thức tỷ lệ khả năng chi trả hàng ngày;
- Khối TT&QTTC thực hiện ước tính tỷ lệ trong ngày để phục vụ điều hành thanh khoản;
- Các đơn vị liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về dòng tiền và các giao dịch phát sinh;

- Khi tỷ lệ có dấu hiệu suy giảm, chạm ngưỡng cảnh báo hoặc biến động bất thường, các đơn vị liên quan kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền và triển khai biện pháp xử lý.

c) Các biện pháp khắc phục

STT	BPKP dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
1	Tăng cường tài sản có tính thanh khoản cao	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, TCTD. - Gia tăng nắm giữ GTCG đủ điều kiện thanh khoản (TPCP, tín phiếu NHNN...). - Điều chỉnh cơ cấu danh mục tài sản theo hướng tăng tài sản thanh khoản cao. - Đầu tư/bổ sung tài sản có tính thanh khoản cao theo hạn mức được phê duyệt. 	Nâng cao quy mô tài sản thanh khoản cao nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu chi trả trong ngắn hạn, cải thiện tỷ lệ khả năng chi trả, đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	<ul style="list-style-type: none"> - Khối TT&QTTC chủ trì thực hiện. - Khối QTRR giám sát tác động tới tỷ lệ KNCT. - Ban Điều hành phê duyệt phương án điều chỉnh danh mục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn hạn (0-5 ngày): Gia tăng tiền mặt, tiền gửi tại NHNN/TCTD; ưu tiên nắm giữ GTCG đủ điều kiện thanh khoản cao. - Trong kỳ hạn 30 ngày: Tiếp tục điều chỉnh danh mục tài sản theo hướng tăng tỷ trọng HQLA theo hạn mức được phê duyệt. - Sau khi ổn định: Duy trì mức đệm HQLA phù hợp nhằm phòng ngừa suy giảm khả năng chi trả.
2	Bổ sung nguồn vốn và tăng khả năng tiếp cận thanh khoản	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động vốn từ khách hàng, ưu tiên kỳ hạn dài. - Vay/nhận gửi trên thị trường liên ngân hàng (có/không có tài sản bảo đảm). - Thực hiện các nghiệp vụ với NHNN: OMO, tái cấp vốn, cầm cố GTCG. - Mở rộng hạn mức với các 	Đa dạng hóa và gia tăng nguồn vốn khả dụng, nâng cao khả năng tiếp cận các kênh thanh khoản trong và ngoài thị trường, đảm bảo Ngân hàng luôn có nguồn vốn dự phòng cần thiết để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Khối TT&QTTC điều hành nguồn vốn. - NHBL/NHDN triển khai các phương án huy động. - Khối QLRR theo dõi rủi ro và cảnh báo. - Ban Điều hành phê duyệt hạn mức, phương án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn hạn (0-7 ngày): Triển khai huy động vốn, vay/nhận gửi trên thị trường liên ngân hàng; chủ động tiếp cận các nghiệp vụ hỗ trợ thanh khoản của NHNN. - Trong kỳ 30 ngày: Mở rộng hạn mức với các đối tác tài chính, đa dạng hóa

STT	BPKP dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
		đối tác tài chính.			nguồn vốn khả dụng. - Sau khi ổn định: Rà soát và điều chỉnh chiến lược huy động vốn theo hướng bền vững.
3	Giảm dòng tiền ra ròng trong kỳ 30 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi trước hạn các khoản cho vay/gửi liên ngân hàng (nếu có thể). - Điều chỉnh kế hoạch giải ngân, giãn tiến độ cấp tín dụng. - Kiểm soát các nghĩa vụ thanh toán lớn phát sinh. - Thực hiện các giao dịch hoán đổi tiền tệ/ngoại tệ để cân đối dòng tiền. 	Kiểm soát và hạn chế dòng tiền ra ròng trong ngắn hạn, qua đó cải thiện tỷ lệ KNCT	<ul style="list-style-type: none"> - Khối TT&QTTC phối hợp ĐVKD và các đơn vị liên quan thực hiện. - Khối QTRR giám sát dòng tiền ra và đánh giá tác động. - Ban Điều hành chỉ đạo công tác kiểm soát sử dụng vốn. 	<ul style="list-style-type: none"> - 0-3 ngày: Kiểm soát các khoản chi chưa cấp thiết; rà soát và điều chỉnh kế hoạch giải ngân, nghĩa vụ chi trả lớn. - Trong kỳ 30 ngày: Ưu tiên thu hồi các khoản cho vay/gửi liên ngân hàng; sử dụng giao dịch hoán đổi để cân đối dòng tiền. - Sau khi ổn định: Thiết lập cơ chế kiểm soát dòng tiền ra ở mức thận trọng.
4	Cơ cấu lại tài sản Nợ – Có và kỳ hạn dòng tiền	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát chênh lệch kỳ hạn tài sản Nợ – Có. - Điều chỉnh cơ cấu huy động theo kỳ hạn mục tiêu. - Định hướng tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng nguồn vốn. - Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh nhằm 	Giảm chênh lệch kỳ hạn và rủi ro thanh khoản phát sinh từ mất cân đối dòng tiền, hướng tới cơ cấu bảng cân đối an toàn, bền vững và phù hợp với chiến lược nguồn vốn trung – dài hạn của Ngân hàng.	<ul style="list-style-type: none"> - Khối TT&QTTC phân tích và đề xuất cơ cấu bảng cân đối. - Khối QTRR đánh giá rủi ro kỳ hạn. - ĐVKD triển khai theo định hướng. - Ban Điều hành phê duyệt chính sách điều chỉnh cơ cấu bảng cân đối. 	<ul style="list-style-type: none"> - 0-30 ngày: Rà soát chênh lệch kỳ hạn tài sản Nợ – Có, đánh giá rủi ro kỳ hạn. - 1-3 tháng: Điều chỉnh cơ cấu huy động và sử dụng vốn theo kỳ hạn mục tiêu; định hướng tăng trưởng tín dụng phù hợp khả năng nguồn vốn.

STT	BPKP dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
		giảm áp lực thanh khoản ngắn hạn.			- Sau khi ổn định: Tích hợp kết quả điều chỉnh vào kế hoạch kinh doanh
5	Triển khai các biện pháp thị trường và công cụ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Repo/bán GTCG. - Thực hiện giao dịch hoán đổi ngoại tệ/VND hoặc ngoại tệ/ngoại tệ. - Sử dụng các công cụ tài chính để cân đối thanh khoản theo từng loại tiền. - Tối ưu danh mục tài sản tài chính nhằm cải thiện KNCT. 	Tận dụng linh hoạt các công cụ thị trường và nghiệp vụ tài chính để bổ sung thanh khoản tức thời, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản và hỗ trợ điều hành thanh khoản theo từng loại tiền.	<ul style="list-style-type: none"> - Khối TT&QTTC trực tiếp triển khai giao dịch. - Khối QTRR giám sát giới hạn rủi ro. - Ban Điều hành phê duyệt các giao dịch lớn/ngoại khung hạn mức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn hạn (0-7 ngày): Thực hiện repo/bán GTCG, giao dịch hoán đổi để bổ sung thanh khoản tức thời theo từng loại tiền. - Trong kỳ 30 ngày: Tối ưu danh mục tài sản tài chính nhằm cải thiện trạng thái thanh khoản.
6	Tăng cường giám sát, cảnh báo và điều hành thanh khoản	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, tính toán và báo cáo tỷ lệ KNCT hàng ngày. - Ước tính sớm tỷ lệ KNCT và dòng tiền trong ngày. - Kích hoạt cảnh báo sớm khi có dấu hiệu vi phạm. - Báo cáo TGD, HĐRR và NHNN theo quy định khi phát sinh vi phạm. 	Nâng cao khả năng giám sát chủ động, phát hiện sớm rủi ro thanh khoản và kịp thời triển khai các biện pháp xử lý; đảm bảo công tác điều hành thanh khoản được thực hiện liên tục, minh bạch và tuân thủ quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Khối QTRR là đầu mối giám sát và cảnh báo. - Khối TT&QTTC cung cấp dữ liệu và phối hợp đánh giá. - Ban Điều hành chỉ đạo triển khai biện pháp xử lý. - Các đơn vị liên quan cung cấp thông tin kịp thời. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên: Theo dõi, tính toán và báo cáo tỷ lệ KNCT hàng ngày; giám sát dòng tiền trong ngày. - Khi có dấu hiệu rủi ro: Kích hoạt cảnh báo sớm, báo cáo Ban Điều hành và các cấp có thẩm quyền theo quy định. - Sau khi ổn định: Rà soát, cập nhật ngưỡng cảnh báo và quy

STT	BPKP dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
					trình điều hành thanh khoản.

d) Quy trình phối hợp thực hiện

Khi phát sinh vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả, các đơn vị phối hợp xử lý theo trình tự sau:

Bước 1 – Theo dõi, phát hiện và cảnh báo

- Khối QTRR thực hiện tính toán, theo dõi tỷ lệ khả năng chi trả hàng ngày theo quy định;
- Trường hợp tỷ lệ có nguy cơ chạm ngưỡng cảnh báo hoặc vi phạm, Khối QTRR thực hiện cảnh báo và thông báo tới các đơn vị liên quan.

Bước 2 – Ước tính và đánh giá sớm

- Khối Thị trường & Quản trị tài chính thực hiện ước tính sớm tỷ lệ khả năng chi trả trên cơ sở dữ liệu hệ thống và thông tin từ các đơn vị;
- Đánh giá khả năng cân đối thanh khoản trong ngày, xác định nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng.

Bước 3 – Triển khai biện pháp xử lý

- Khối TT&QTTC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các biện pháp theo phương án đã được phê duyệt nhằm đưa tỷ lệ khả năng chi trả về mức quy định.

Bước 4 – Theo dõi và báo cáo kết quả

- Khối QTRR và Khối TT&QTTC theo dõi kết quả sau khi áp dụng biện pháp; thực hiện báo cáo TGD, Hội đồng Rủi ro và NHNN theo quy định trong trường hợp vi phạm.

Bước 5 – Điều chỉnh phương án (nếu cần)

- Trường hợp các biện pháp trong khung không hiệu quả, Khối QLRR phối hợp các đơn vị liên quan đề xuất phương án xử lý bổ sung, trình TGD phê duyệt và tiếp tục triển khai cho đến khi tỷ lệ được cải thiện

3.4. Vi Phạm Tỷ Lệ An Toàn Vốn (CAR) Trên 6 Tháng

a) Nguyên nhân

Tỷ lệ An toàn vốn CAR của LPBank vi phạm khi CAR <8% (mức tối thiểu do NHNN quy định). Tỷ lệ An toàn vốn CAR vi phạm thường do mất cân đối giữa vốn tự có và tổng tài sản có rủi ro, thường xuất phát từ các nguyên nhân chính sau:

- Tăng trưởng tín dụng tại một thời điểm quá nhanh trong khi vốn tự có chưa tăng trưởng tương xứng
- Chất lượng tín dụng suy giảm mạnh, dẫn đến trích lập dự phòng tăng cao, làm lợi nhuận giảm mạnh hoặc thậm chí lợi nhuận âm, do đó vốn tự có giảm mạnh.
- Quy mô tổng tài sản mở rộng, tuy nhiên không tăng trưởng vốn và không giữ lại đủ lợi nhuận, dẫn đến vốn không tăng nhưng rủi ro tăng.
- Tập trung cho vay vào lĩnh vực, khách hàng có rủi ro quá cao, dẫn đến tài sản có rủi ro tăng mạnh.
- Quản trị rủi ro yếu kém dẫn đến đánh giá sai mức độ rủi ro, khả năng trả nợ của khách hàng, làm tăng phát sinh nợ xấu và tổn thất, dẫn đến làm suy giảm vốn và tăng tài sản có rủi ro.

- Các thay đổi quy định từ cơ quan quản lý dẫn đến yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn đối với tỷ lệ An toàn vốn.

b) Dấu hiệu nhận biết (dấu hiệu nhận biết và cơ chế theo dõi, ai theo dõi,...)

Dấu hiệu theo dõi tỷ lệ CAR: Tỷ lệ CAR suy giảm, chạm ngưỡng cảnh báo nội bộ hoặc có nguy cơ vi phạm quy định của NHNN. Khối QTRR là đơn vị đầu mối theo dõi, đánh giá tỷ lệ hàng ngày. Trường hợp CAR suy giảm, Khối QTRR sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan để có kế hoạch, phương án cải thiện tỷ lệ CAR.

Cụ thể, một số dấu hiệu nhận biết liên quan đến sụt giảm vốn tự có, giảm chất lượng tài sản như bảng dưới đây:

Dấu hiệu sụt giảm vốn tự có	Dấu hiệu giảm chất lượng tài sản
Kế hoạch thoái vốn, rút vốn của các cổ đông lớn sở hữu số lượng cổ phần ưu đãi lớn	Tài sản là các khoản cho thuê tài chính (hệ số rủi ro tối thiểu 160%)
Dự kiến lợi nhuận âm (lỗ) hoặc sụt giảm mạnh	Sự tập trung quá cao vào Cho vay tài trợ dự án kinh doanh bất động sản có bảo đảm bằng bất động sản (hệ số rủi ro 200%);
Dự kiến lỗ từ đánh giá lại tài sản cố định/đánh giá lại các khoản góp vốn đầu tư theo quy định của pháp luật	Sự tập trung quá cao vào Cho vay thế chấp nhà mà LPBank không có thông tin về Tỷ lệ bảo đảm LTV ($LTV = \frac{\text{Tổng số dư các khoản phải đòi}}{\text{Giá trị tài sản bảo đảm}}$) và/hoặc Tỷ lệ thu nhập ($DSC = \frac{\text{Tổng số dư phải hoàn trả trong năm bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi}}{\text{Tổng thu nhập trong năm của khách hàng}}$) (hệ số rủi ro 200%);
Kế hoạch sử dụng các quỹ (quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính);	Khoản phải thu phát sinh từ việc bán nợ xấu (không bao gồm các khoản phải thu phát sinh trong quá trình bán nợ xấu cho VAMC và DATC), hệ số rủi ro tín dụng là 200%
Kế hoạch chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận để lại hoặc từ thặng dư vốn cổ phần	Đầu tư vào các giấy tờ có giá của Chính phủ, ngân hàng Trung ương các nước có xếp hạng tín nhiệm dưới B- hoặc không có xếp hạng (hệ số rủi ro 150%)
Kế hoạch trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro của LPBank	Đầu tư, cho vay đối với các tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm cả TCTD nước ngoài) không phải là tổ chức tài chính quốc tế có xếp hạng tín nhiệm dưới B- hoặc không có xếp hạng (hệ số rủi ro 150%)
Kế hoạch cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của các TCTD khác	Các khoản phải đòi đối với các TCTD trong nước (trừ giao dịch reverse repo) có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên có xếp hạng tín nhiệm dưới B- hoặc không có xếp hạng (hệ số rủi ro 150%)

Dấu hiệu sụt giảm vốn tự có	Dấu hiệu giảm chất lượng tài sản
Kế hoạch làm giảm nắm giữ danh mục trái phiếu hoặc các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ khác do LPBank phát hành đủ điều kiện ghi nhận vào vốn cấp 2 của LPBank	Tài sản là công cụ vốn chủ sở hữu, mua cổ phiếu của doanh nghiệp (trừ các khoản đầu tư đã trừ khỏi vốn tự có và các khoản cho vay để đầu tư, kinh doanh chứng khoán, khoản cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán (hệ số rủi ro 150%))
<p>Các kế hoạch liên quan tới tăng cường nắm giữ danh mục đầu tư sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư vào trái phiếu do TCTD khác phát hành đủ điều kiện ghi nhận là vốn cấp 2 của TCTD đó - Góp vốn, mua cổ phần tại tổ chức tín dụng khác - Góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng - Góp vốn, mua cổ phần của một doanh nghiệp, một quỹ đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho vay các Doanh nghiệp có tỷ lệ đòn bẩy (tỷ lệ đòn bẩy = tổng nợ vay/tổng tài sản) trên 50% (hệ số rủi ro từ 120% - 160% tùy theo doanh thu) - Cho vay các doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu ≤ 0 (hệ số rủi ro 250%) - Cho vay các doanh nghiệp không cung cấp Báo cáo tài chính cho LPBank (hệ số rủi ro 200%) - Cho vay các Cấp tín dụng chuyên biệt cho các doanh nghiệp để tài trợ các dự án, máy móc thiết bị, tài trợ hàng hóa (hệ số rủi ro tối thiểu 160%) - Cho vay các Doanh nghiệp mới thành lập (không bao gồm các trường hợp thành lập do tổ chức lại, chuyển đổi hình thức pháp lý...) hoạt động chưa được 01 năm (hệ số rủi ro 150%) - Cho vay các khách hàng đảm bảo bằng bất động sản nhưng LPBank không có thông tin về tỷ lệ bảo đảm (tức không có thông tin về tổng số dư khoản phải đòi hoặc thông tin về giá trị của tài sản bảo đảm) (hệ số rủi ro 150%)
	<p>Khoản nợ xấu có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự phòng cụ thể nhỏ hơn 20% giá trị của khoản nợ xấu (trừ khoản nợ xấu là khoản cho vay thế chấp nhà có dự phòng cụ thể nhỏ hơn 20% giá trị của khoản nợ xấu) (hệ số rủi ro 150%) - Dự phòng cụ thể từ 20% - 50% giá trị của khoản nợ xấu, khoản nợ xấu là khoản cho vay thế chấp nhà có dự phòng cụ thể nhỏ hơn 20% giá trị của khoản nợ xấu (hệ số rủi ro 100%)
	<p>Duy trì danh mục tài sản có ngoại bảng với số dư lớn, nhất là tập trung vào các nhóm có hệ số chuyển đổi cao (100%) bao gồm:</p> <p>1. Các cam kết ngoại bảng tương đương khoản cho vay, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết cho vay không hủy ngang là cam kết cho vay không thể hủy bỏ hoặc thay đổi dưới bất kỳ hình thức nào đối với những cam kết đã được thiết

Dấu hiệu sụt giảm vốn tự có	Dấu hiệu giảm chất lượng tài sản
	<p>lập, trừ trường hợp phải hủy bỏ hoặc thay đổi theo quy định của pháp luật;</p> <p>-Các khoản bảo lãnh, thu tín dụng dự phòng bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho khoản nợ hoặc trái phiếu;</p> <p>-Hạn mức tín dụng chưa giải ngân không hủy ngang...</p> <p>2.Các khoản chấp nhận thanh toán (ví dụ: ký hậu chấp nhận thanh toán bộ chứng từ...);</p> <p>-Nghĩa vụ thanh toán của LPBank trong giao dịch bán giấy tờ có giá có bảo lưu quyền truy đòi khi bên phát hành không thực hiện cam kết;</p> <p>-Các hợp đồng kỳ hạn về tài sản, tiền gửi và các chứng khoán trả trước một phần mà LPBank cam kết thực hiện;</p> <p>-Các cam kết ngoại bảng khác ngoài các loại cam kết ngoại bảng kể trên.</p>

c) Các biện pháp khắc phục

STT	Phương án	Hành động	Mục tiêu cần đạt được	Đơn vị phụ trách	Thời gian
1	Tăng vốn tự có	<p>-Xây dựng phương án tăng vốn từ tăng vốn điều lệ/phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2</p> <p>-Làm việc với cổ đông và hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thông qua phương án tăng vốn điều lệ</p> <p>-Hoàn thiện hồ sơ phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2</p>	- Thực hiện tăng vốn điều lệ/vốn tự có từ phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 theo hồ sơ được duyệt	<p>Văn phòng quản trị đầu mối đối với việc thực hiện tăng vốn điều lệ</p> <p>Khối Thị trường và Quản trị tài chính đầu mối đối với thực hiện tăng vốn cấp 2</p>	3-12 tháng

2	Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh	<p>-Rà soát danh mục tài sản có rủi ro, kiểm soát giải ngân đối với khách hàng có rủi ro cao, dịch chuyển cơ cấu cho vay sang khách hàng có rủi ro thấp hơn</p> <p>-Rà soát lại danh mục đầu tư: giảm đầu tư danh mục có rủi ro cao và dịch chuyển sang đầu tư vào danh mục có rủi ro thấp</p> <p>- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, đánh giá khách hàng, xử lý nợ xấu, rà soát phân loại và trích lập dự phòng</p> <p>- Tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và kiểm soát chi phí</p>	<p>-Giảm tài sản có rủi ro, cải thiện chất lượng tài sản</p> <p>-Kiểm soát kết quả hoạt động kinh doanh, giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận.</p>	Đơn vị kinh doanh kiểm soát hoạt động cho vay tại đơn vị/Khối Kinh doanh kiểm soát hoạt động kinh doanh theo phân công phụ trách /Khối QTRR đầu mối rà soát phân loại nợ và trích lập dự phòng/ các đơn vị trên toàn hệ thống LPBank tối ưu quy trình làm việc/kiểm soát chi phí.	6-12 tháng
3	Nâng cao năng lực quản trị điều hành	<p>-Rà soát, kiện toàn mô hình tổ chức, phân cấp thẩm quyền</p> <p>-Tăng cường kiểm soát nội bộ và nâng cao năng lực quản trị rủi ro</p>	-Tinh gọn, hiệu quả, tối ưu trong việc thực hiện công việc và ra quyết định kinh doanh	Khối Quản trị rủi ro đầu mối/ các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.	6-12 tháng
4	Báo cáo cơ quan nhà nước	Thực hiện tuân thủ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của NHNN	Báo cáo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định	Khối TT&QTTC đầu mối/ đơn vị liên quan phối hợp thực hiện	
5	Các biện pháp khác theo yêu cầu của NHNN/ quy định của cấp có thẩm quyền	<p>Tiếp nhận và triển khai kịp thời các chỉ đạo của NHNN và cơ quan có thẩm quyền</p> <p>Phối hợp với các đơn vị nội bộ thực hiện</p>	Đảm bảo tuân thủ yêu cầu của NHNN và các cơ quan quản lý	Đầu mối theo chỉ đạo trong từng thời kỳ.	

d) Quy trình phối hợp thực hiện

Sơ đồ quy trình phối hợp



Bước 1:

- K.QTRR giám sát tỷ lệ an toàn vốn, phát hiện các dấu hiệu cảnh báo sớm. Là đầu mối/phối hợp với các bên liên quan đề xuất biện pháp cải thiện tỷ lệ an toàn vốn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và là đầu mối giám sát/phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các phương án được phê duyệt;
- Các đơn vị trên toàn hệ thống LPBank ngay khi phát sinh/nhận diện được các dấu hiệu có thể tác động đến tỷ lệ An toàn vốn thông báo tới đầu mối K.QTRR. Trên cơ sở đó, K.QTRR đầu mối phối hợp với các đơn vị tiến hành tính toán tỷ lệ an toàn vốn dự kiến, đo lường mức độ ảnh hưởng đối với dữ liệu sẵn có của hệ thống và các kịch bản đánh giá/dự báo về mức độ ảnh hưởng của các tác động do các đơn vị nghiệp vụ cung cấp;
- Trong trường hợp cần thiết, K.QTRR chủ động yêu cầu hỗ trợ thêm các số liệu để thiết lập các giả thiết đánh giá tác động đến tỷ lệ an toàn vốn của LPBank;
- Định kỳ hàng tháng hoặc khi LPBank có kế hoạch/đề xuất thay đổi các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, K.QTRR đánh giá tác động có thể có đến tỷ lệ an toàn vốn của LPBank dựa trên các phương án do đơn vị đầu mối thực hiện kế hoạch kinh doanh toàn hàng cung cấp;
- Khi có thay đổi trong quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn, K.QTRR đầu mối phối hợp đánh giá các tác động có thể có đến tỷ lệ an toàn vốn của LPBank.

Bước 2:

- Hội đồng QLV tham mưu, giúp việc cho TGD trong việc thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn nhằm đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định;
- Hội đồng QLV thực hiện chỉ đạo của HĐQT về việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
- Hội đồng ALCO tham mưu, giúp việc cho TGD trong công tác quản lý sự phát triển và tốc độ tăng trưởng tài sản Nợ - tài sản Có, quản lý bảng cân đối tài sản hiệu quả trên cơ sở tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro thấp và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro của LPBank;
- Hội đồng ALCO phối hợp với Hội đồng Rủi ro, Hội đồng Quản lý vốn quản lý các vấn đề liên quan tới tỷ lệ an toàn vốn của LPBank trong phạm vi phân công của TGD;
- Hội đồng ALCO Giám sát và quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo chỉ đạo của TGD, báo cáo TGD tình hình hoạt động quản lý tỷ lệ an toàn vốn;
- Hội đồng ALCO Đề xuất các biện pháp, giải pháp nhằm đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN và của LPBank trong từng thời kỳ.

Bước 3:

- TGD chỉ đạo, tổ chức triển khai xử lý rủi ro không tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn; Chỉ đạo việc gửi kế hoạch khắc phục để bảo đảm thực hiện tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động LPBank khi xảy ra vi phạm lên NHNN trên cơ sở đề xuất của các Khối nghiệp vụ;
- TGD đề xuất HĐQT giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế về các biện pháp quản lý tỷ lệ an toàn vốn;

- TGD giám sát, đảm bảo hoạt động phân tích và quản lý rủi ro liên quan tới tỷ lệ an toàn vốn được thực hiện bởi đội ngũ nhân viên có thẩm quyền với kiến thức kỹ thuật và kinh nghiệm phù hợp với tính chất, phạm vi hoạt động của LPBank;
- TGD chỉ đạo xây dựng, thiết lập và duy trì hệ thống thông tin quản lý phù hợp với yêu cầu quản lý tỷ lệ an toàn vốn của LPBank và yêu cầu thông tin, báo cáo cho HĐQT.

Bước 4:

- HĐQT chỉ đạo, phê duyệt các biện pháp xử lý rủi ro của LPBank liên quan đến quản lý tỷ lệ an toàn vốn của LPBank;
- HĐQT giám sát TGD trong việc quản lý tỷ lệ an toàn vốn của LPBank.

3.5. Rút Tiền Hàng Loạt**a) Nguyên nhân**

Rủi ro rút tiền hàng loạt có thể phát sinh do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Khủng hoảng thị trường, tình hình kinh tế vĩ mô bất ổn, đồng nội tệ mất giá dẫn đến việc rút tiền hàng loạt để mua ngoại tệ, vàng, kim loại quý và các tài sản trú ẩn khác trong khoảng thời gian ngắn;
- Bất ổn địa chính trên phạm vi quốc gia; Khủng hoảng lòng tin, hình ảnh và uy tín của LPBank trên thị trường, phát sinh từ các tác nhân bên trong (tin đồn, thông tin bất lợi liên quan trực tiếp đến LPBank) và bên ngoài (sự kiện bất thường trong hệ thống Ngân Hàng, tin đồn lan truyền trên diện rộng), dẫn đến tâm lý rút tiền hàng loạt và ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản;
- Sự kiện thoái vốn của các nhà đầu tư, cổ đông chiến lược do thay đổi quan hệ hợp tác.

b) Dấu hiệu nhận biết (dấu hiệu nhận biết và cơ chế theo dõi, ai theo dõi,...)

- Rủi ro rút tiền hàng loạt được nhận biết thông qua các dấu hiệu sau:
 - Có tin đồn xấu về LPBank và/ hoặc KH rút tiền đột ngột với khối lượng lớn tại một điểm hoặc nhiều điểm giao dịch (mức rút tiền ở ngưỡng 11% Tổng nguồn huy động thị trường 1 của LPBank)
 - Vốn khả dụng không đủ thanh toán tại một ĐVKD khi nhiều KH đến rút tiền trong ngày;
 - KH đến rút tiền làm cho LPBank không duy trì các tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản đáp ứng theo quy định của NHNN bao gồm nhưng không giới hạn: Tỷ lệ khả năng chi trả, Tỷ lệ dự nợ cho vay so với Tổng tiền gửi, Tỷ lệ nguồn vốn ngắn cho vay trung dài hạn.
- Cơ chế theo dõi
 - ĐVKD/NHBL/NHDN theo dõi trực tiếp biến động tiền gửi và hành vi rút tiền của khách hàng tại đơn vị; kịp thời phát hiện dấu hiệu bất thường và báo cáo về Hội sở;
 - Khối Vận hành theo dõi tình hình chi trả tiền mặt tại các ĐVKD, cảnh báo khi phát sinh nhu cầu chi trả tăng đột biến hoặc mất cân đối tiền mặt;
 - Khối Thị trường & Quản trị tài chính theo dõi trạng thái thanh khoản toàn hệ thống, biến động dòng tiền vào – ra, chủ động đánh giá khả năng đáp ứng thanh khoản và phối hợp điều hành nguồn vốn;
 - Khối QTRR là đầu mối tiếp nhận thông tin, tổng hợp, đánh giá mức độ rủi ro rút tiền hàng loạt; thực hiện cảnh báo và báo cáo Tổ xử lý sự cố/Ban Điều hành khi có dấu hiệu bất thường;
 - Các đơn vị liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để phục vụ công tác theo dõi, giám sát và xử lý;

- Khi phát hiện dấu hiệu rút tiền hàng loạt, Ngân hàng kích hoạt cơ chế báo cáo và xử lý theo quy trình nội bộ, đảm bảo phối hợp thông suốt giữa các đơn vị.

c) Các biện pháp khắc phục

STT	Biện pháp khắc phục dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
1	Đảm bảo khả năng thanh khoản	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường huy động vốn, vay trên thị trường liên ngân hàng. - Thực hiện các nghiệp vụ với NHNN như OMO, tái cấp vốn, vay đặc biệt. - Điều chuyển vốn, tăng dự trữ tiền mặt tại các ĐVKD. - Cơ cấu lại tài sản, bán/cầm cố GTCG khi cần thiết. 	Đảm bảo khả năng chi trả kịp thời, liên tục cho khách hàng trong tình huống rút tiền hàng loạt; duy trì hoạt động an toàn và kéo dài khả năng tồn tại thanh khoản của Ngân hàng.	<ul style="list-style-type: none"> - Khối Thị trường & Quản trị tài chính điều hành nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản toàn hệ thống. - Khối QTRR phối hợp đánh giá mức độ thiếu hụt thanh khoản. - Khối Vận hành và ĐVKD cập nhật nhu cầu chi trả thực tế. - Các đơn vị phối hợp triển khai giao dịch theo chỉ đạo của Ban Điều hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - 0-48 giờ: Kích hoạt kế hoạch dự phòng thanh khoản; tăng tồn quỹ tại đơn vị kinh doanh; điều chuyển vốn nội bộ; vay/nhận gửi trên thị trường liên ngân hàng; thực hiện nghiệp vụ với NHNN. - 3-6 tháng: Bổ sung nguồn thanh khoản thông qua bán/cầm cố GTCG, bán hoặc chuyển nhượng tài sản, đa dạng hóa nguồn vốn dự phòng.
2	Giảm nhu cầu vốn và kiểm soát dòng tiền ra	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế/giãn cấp tín dụng mới, ưu tiên thu hồi nợ. - Kiểm soát các khoản chi, tạm dừng các hoạt động sử dụng vốn chưa cấp thiết. - Phân tầng khách hàng, theo dõi nhóm khách hàng rút tiền trọng yếu. - Triển khai các chính sách duy trì khách hàng, hạn 	Hạn chế tốc độ và quy mô rút tiền, giảm áp lực chi trả tức thời và hỗ trợ ổn định trạng thái thanh khoản trong giai đoạn rút tiền hàng loạt.	<ul style="list-style-type: none"> - ĐVKD, NHBL, NHDN rà soát nhu cầu giải ngân và các khoản chi sử dụng vốn. - Khối TT&QTTC phối hợp với các đơn vị liên quan cân đối nguồn tiền, đề xuất thứ tự ưu tiên sử dụng vốn. - Tổ xử lý sự cố/Ban Điều hành phê duyệt và chỉ đạo thực 	<ul style="list-style-type: none"> - 0-48 giờ: Giảm hoặc giãn giải ngân mới; kiểm soát chặt các khoản chi chưa cấp thiết; phân tầng và theo dõi nhóm khách hàng rút tiền trọng yếu. - 3-6 tháng: Ưu tiên thu hồi nợ; triển khai chính sách duy trì tiền gửi, cơ chế thanh toán thay

STT	Biện pháp khắc phục dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
		chế rút tiền hàng loạt.		hiện thống nhất trên toàn hệ thống.	thế; kiểm soát dòng tiền ra theo hạn mức và mức độ ưu tiên.
3	Ổn định hoạt động tại đơn vị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phân luồng khách hàng, tránh tập trung đông người. - Tăng cường nhân sự, đảm bảo hoạt động giao dịch liên tục. - Chủ động tiếp xúc, giải thích và thuyết phục khách hàng. - Đảm bảo hệ thống giao dịch tại quầy, ATM, eBanking hoạt động thông suốt. 	Đảm bảo hoạt động giao dịch tại các đơn vị kinh doanh diễn ra an toàn, thông suốt; hạn chế tâm lý hoang mang và ngăn ngừa hiệu ứng lan truyền rút tiền hàng loạt.	<ul style="list-style-type: none"> - ĐVKD là đầu mối triển khai trực tiếp tại điểm giao dịch. - Khối Vận hành hỗ trợ về tiền mặt, vận hành giao dịch, tiếp quỹ ATM/CDM và điều phối nhân sự khi cần. - Khối CNTT đảm bảo hệ thống giao dịch hoạt động liên tục, không gián đoạn. - Tổ xử lý sự cố theo dõi tình hình tại đơn vị và chỉ đạo xử lý phát sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - 0-48 giờ: Phân luồng khách hàng; tăng cường nhân sự; đảm bảo đầy đủ tiền mặt; duy trì hoạt động ổn định của quầy giao dịch, ATM và các kênh ngân hàng điện tử. - Liên tục: Chủ động tiếp xúc, giải thích và trấn an khách hàng trong suốt thời gian xảy ra rút tiền hàng loạt.
4	Tăng cường năng lực giám sát và hệ thống công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát thanh khoản và dòng tiền theo thời gian thực. - Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm, phát hiện giao dịch bất thường. - Đảm bảo hệ thống CNTT vận hành liên tục, an toàn, ổn định trong giai đoạn nhạy cảm. 	Giám sát chặt chẽ tình hình chi trả và dòng tiền; phát hiện sớm các giao dịch bất thường, hỗ trợ Ban Điều hành ra quyết định kịp thời trong tình huống rút tiền hàng loạt.	<ul style="list-style-type: none"> - Khối CNTT chủ trì triển khai các giải pháp công nghệ. - Khối QTRR và Khối TT&QTC sử dụng dữ liệu để giám sát và điều hành. - Các đơn vị liên quan phối hợp cung cấp thông tin và cập nhật dữ liệu kịp thời. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1-2 ngày: Kích hoạt giám sát thanh khoản và dòng tiền theo thời gian thực; theo dõi dòng tiền trong ngày; đảm bảo hệ thống CNTT vận hành liên tục, an toàn. - Liên tục: Duy trì chế độ giám sát tăng cường trong suốt thời

STT	Biện pháp khắc phục dự kiến	Hành động	Mục tiêu	Cơ chế phối hợp	Lộ trình thực hiện
					gian xảy ra sự cố.
5	Truyền thông và ổn định tâm lý thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Kích hoạt kịch bản truyền thông khi xuất hiện thông tin tiêu cực. - Ban hành thông điệp truyền thông thống nhất trên toàn hệ thống. - Làm việc với NHNN và các bên liên quan để đồng bộ thông tin. - Triển khai truyền thông tới khách hàng, cổ đông và thị trường nhằm ổn định tâm lý. 	Ổn định tâm lý khách hàng và thị trường; kiểm soát thông tin tiêu cực; hạn chế tác động lan truyền và hỗ trợ duy trì quy mô tiền gửi.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Quản trị chủ trì triển khai. - Khối QTRR, Khối TT&QTTC và các đơn vị liên quan cung cấp thông tin đánh giá tác động. - Ban Điều hành phê duyệt nội dung, hình thức và phạm vi truyền thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1-2 ngày: Kích hoạt kịch bản truyền thông khủng hoảng; ban hành thông điệp truyền thông thống nhất; - Trong suốt thời gian xảy ra rút tiền hàng loạt: Phối hợp chặt chẽ với NHNN và các bên liên quan; triển khai truyền thông trực tiếp tới khách hàng, cổ đông và thị trường.

d) Quy trình phối hợp thực hiện

Khi phát sinh dấu hiệu rút tiền hàng loạt, Ngân hàng thực hiện phối hợp xử lý theo trình tự sau:

Bước 1. Nhận diện dấu hiệu và báo cáo ban đầu

- ĐVKD và các đơn vị liên quan theo dõi, phát hiện các dấu hiệu rút tiền hàng loạt như: khách hàng rút tiền với khối lượng lớn, gia tăng đột biến nhu cầu chi trả hoặc xuất hiện thông tin bất lợi ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng;
- Khi phát sinh dấu hiệu, đơn vị phát hiện báo cáo ngay về Khối QLRR và các đơn vị liên quan theo quy định;
- Đồng thời triển khai các biện pháp ứng phó ban đầu nhằm đảm bảo chi trả và ổn định hoạt động tại đơn vị.

Bước 2. Đánh giá mức độ và kích hoạt cơ chế xử lý

- Khối QLRR là đầu mối tiếp nhận thông tin, tổng hợp và đánh giá mức độ nghiêm trọng của sự cố;
- Trên cơ sở đánh giá, Khối QLRR báo cáo Ban Điều hành/Tổ xử lý sự cố để xem xét, quyết định kích hoạt cơ chế xử lý phù hợp;
- Trường hợp sự cố có mức độ nghiêm trọng hoặc có nguy cơ lan rộng, Ban Điều hành/Tổ xử lý sự cố báo cáo HĐQT và thực hiện các bước xử lý theo thẩm quyền

Bước 3. Triển khai ứng phó ban đầu trên toàn hệ thống

- Tổ xử lý sự cố tổ chức phân công nhiệm vụ, chỉ đạo các đơn vị triển khai ngay các biện pháp ứng phó ban đầu, bao gồm: thông báo khẩn trong toàn hệ thống; thống nhất phương án trả lời khách hàng; hạn chế các hoạt động sử dụng vốn chưa cấp thiết; tập trung nguồn lực đảm bảo thanh khoản;
- Các đơn vị liên quan chuẩn bị nguồn lực cần thiết (tiền mặt, nhân sự, hệ thống, kênh liên lạc) để sẵn sàng xử lý tại các điểm giao dịch;

Bước 4. Điều hành thanh khoản và tổ chức chi trả

- Khối Thị trường & Quản trị tài chính theo dõi trạng thái thanh khoản toàn hệ thống, chủ động điều hành nguồn vốn thông qua huy động, vay liên ngân hàng, giao dịch với NHNN, bán/cầm cố GTCG;
- Khối Vận hành phối hợp điều chuyển tiền mặt, đảm bảo khả năng chi trả tại các ĐVKD;
- ĐVKD tổ chức chi trả hợp lý, phân luồng khách hàng, tăng cường nhân sự và đảm bảo hoạt động giao dịch liên tục, thông suốt.

Bước 5. Truyền thông và ổn định tâm lý khách hàng

- Văn phòng Quản trị triển khai phương án truyền thông theo chỉ đạo, đảm bảo thông tin minh bạch, thống nhất trên toàn hệ thống;
- Chủ động xử lý, kiểm soát tin đồn và thông tin bất lợi; phối hợp với NHNN, cơ quan chức năng và các bên liên quan khi cần thiết;
- ĐVKD trực tiếp tiếp xúc, giải thích và trấn an khách hàng nhằm hạn chế lan truyền tâm lý hoảng loạn.

Bước 6. Theo dõi, báo cáo và điều chỉnh phương án

- Khối QTRR và Khối TT&QTTC theo dõi liên tục diễn biến rút tiền và trạng thái thanh khoản;
- Các đơn vị thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình chi trả, nhu cầu thanh khoản và các vấn đề phát sinh;
- Trên cơ sở đó, Ngân hàng rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung biện pháp xử lý phù hợp với diễn biến thực tế.

Bước 7. Tổng kết và rút kinh nghiệm

- Sau khi kiểm soát được sự cố, Ngân hàng thực hiện đánh giá nguyên nhân, hiệu quả các biện pháp đã triển khai;
- Tổ xử lý sự cố báo cáo HĐQT/Ban Điều hành về toàn bộ quá trình xử lý;
- Các đơn vị liên quan phối hợp rút kinh nghiệm, cập nhật kịch bản và hoàn thiện kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Phụ lục 01: Một số giải pháp cụ thể theo phân khúc khách hàng

Mục tiêu hướng đến: đặt mục tiêu tăng Doanh thu tối thiểu 5%/tháng

1. Các giải pháp tăng cường doanh thu của NHDN

Phát triển khách hàng mới

- Lựa chọn các nhóm khách hàng chất lượng từ hệ sinh thái doanh nghiệp lớn đảm bảo kiểm soát dòng tiền, kiểm soát rủi ro chặt chẽ;
- Phát triển các nhóm khách hàng SME trọng tâm, dựa trên am hiểu sâu sắc về ngành, sử dụng đa dạng các giải pháp từ thanh toán, tín dụng, bảo lãnh như được, y tế; các ngành xây lắp.

Tối ưu danh mục khách hàng hiện hữu:

- Thường xuyên rà soát danh mục tín dụng, giảm dư nợ ở các ngành, lĩnh vực, khách hàng có mức độ rủi ro cao; ưu tiên các khách hàng trong các ngành nghề trọng tâm, các chuỗi, hệ sinh thái lớn; chủ động áp dụng phương pháp điều hành giá linh hoạt, đa chiều (dựa trên khả năng lượng hóa các yếu tố rủi ro, giá trị khách hàng mang lại,...);
- Tăng cường các sản phẩm thu phí, trả lương, các giải pháp thanh toán cho doanh nghiệp nhằm mang lại nguồn thu từ CASA bền vững, đa dịch vụ; đẩy mạnh thanh toán số, kết nối ERP cho doanh nghiệp...;
- Triển khai các giải pháp phát hành bảo lãnh, tài trợ chuỗi cung ứng; bán thêm, bán chéo LC/UPAS.

Một số giải pháp cụ thể và mục tiêu

Bước	Công việc	Cách làm cụ thể	KPI
Nhóm giải pháp tối ưu tín dụng			
1	Rà soát danh mục	Phân loại: tốt / rủi ro / cần giảm	100% danh mục được phân loại
2	Giảm dư nợ rủi ro	Lập danh sách ngành cần giảm	↓10–20% dư nợ rủi ro
3	Tăng KH tốt	Chọn KH có dòng tiền ổn định để tăng limit	Dư nợ tốt ↑
4	Điều chỉnh lãi suất	Áp dụng risk-based pricing theo nhóm KH	NIM +0.5–1%
Nhóm giải pháp Tăng thu phí			
1	Thiết kế gói dịch vụ	Combo: chuyển tiền + payroll + tài khoản	Bộ sản phẩm
2	Triển khai bán	Giao RM list KH hiện hữu	Fee +20–30%
3	Gắn CASA	Yêu cầu duy trì số dư để hưởng ưu đãi	CASA +20%
4	Ký payroll	Làm việc với DN trả lương qua NH	Tăng tài khoản
Nhóm giải pháp Trade Finance			

Bước	Công việc	Cách làm cụ thể	KPI
1	Lọc KH XNK	Từ danh mục hiện hữu	Danh sách KH TF
2	Upsell sản phẩm	LC, UPAS LC, bảo lãnh	Fee TF +20–25%
3	Chuẩn hóa hồ sơ	Check chứng từ trước khi phát hành	Giảm lỗi
Nhóm giải pháp Bán chéo			
1	Giao KPI RM	Mỗi RM phải bán ≥ 2 SP/KH	KPI RM
2	Cross-sell	Bảo hiểm + FX + phái sinh	Fee/KH +25–30%
3	Combo sản phẩm	Combo tín dụng + phí	Tăng doanh thu trung bình trên mỗi khách hàng
Nhóm giải pháp khai thác hệ sinh thái KH			
1	Chọn KH lõi	Top DN lớn	Danh sách
2	Mapping chuỗi	Supplier / dealer	Sơ đồ chuỗi
3	Tiếp cận KH mới	RM tiếp cận đối tác	KH mới +15–20%
4	Cho vay chuỗi	SCF financing	Dư nợ +10%
5	Payroll	Bán cho nhân viên DN	CASA \uparrow
Nhóm giải pháp ngân hàng số			
1	Triển khai rộng rãi LPBIZ	Triển khai đồng bộ mọi đối tượng KHDN	KH số +30%
2	Kết nối API	DN lớn tích hợp ERP	CASA \uparrow
3	Thu phí tự động	Auto debit	Tăng thu phí

2. Các giải pháp tăng cường doanh thu của NHBL

Số hóa và trải nghiệm đa kênh

- Kênh App (LPBank Plus): Nâng cấp nhiều tính năng đối với phiên bản cũ, sử dụng công cụ AI nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- Trải nghiệm đồng nhất: Đảm bảo trải nghiệm khách hàng mượt mà và nhất quán tại các chi nhánh vật lý và các kênh online;
- Tối ưu hóa hệ thống: Đầu tư hệ thống CRM để tích hợp phân tích hành vi khách hàng nhanh chóng;
- Chiến lược sản phẩm và bán hàng: Chuyển từ cung cấp sản phẩm sang cung cấp giải pháp với mục tiêu Khách hàng là trọng tâm và nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- Bán chéo/Bán thêm (Cross Selling/Up-Selling): Khai thác tối đa dữ liệu nền tảng để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bổ trợ cho khách hàng hiện hữu;

- Cá nhân hóa sản phẩm: Sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) và AI để đưa ra các giải pháp, dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu riêng biệt của Khách hàng;
- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm: Thường xuyên cập nhật, ra mắt các giải pháp/sản phẩm mới phù hợp với xu hướng.

Tiếp thị khách hàng thân thiết

- Chương trình khách hàng thân thiết (Loyalty): Tích điểm, tặng quà, giảm giá, nâng hạng Khách hàng... để khuyến khích hàng sử dụng dịch vụ lâu dài và giới thiệu thêm các khách hàng mới;
- Tiếp thị kỹ thuật số (Digital Marketing) và Tiếp thị qua kênh đối tác (Affiliate) để nhắm tới các khách hàng mục tiêu, đặc biệt là tệp khách hàng trẻ;
- Tăng cường giao tiếp: Tương tác 2 chiều (thông qua các nền tảng xã hội) và tương tác 1 chiều (thông qua SMS, app....) để giới thiệu sản phẩm/dịch vụ đồng thời ghi nhận, lắng nghe phản hồi của Khách hàng.

Tối ưu hóa vận hành và chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm

- Lấy Khách hàng làm trọng tâm: Đào tạo đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thái độ phục vụ tận tâm, quy trình xử lý và phản hồi khách hàng rõ ràng để tăng sự tin tưởng, nâng cao trải nghiệm và duy trì sự trung thành;
- Giảm thời gian xử lý: Số hóa và cải thiện các quy trình nghiệp vụ (cho vay, mở tài khoản eKYC...) để tối ưu trải nghiệm.

Một số giải pháp cụ thể và mục tiêu

Bước	Công việc	Cách làm cụ thể	KPI
Nhóm giải pháp tối ưu tín dụng			
1	Rà soát Khách hàng	Đánh giá, phân loại Khách hàng, xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với từng nhóm Khách hàng cụ thể: Ưu tiên Khách hàng có chất lượng tốt (tài sản, mục đích vay, nguồn thu...), Hạn chế cho vay nhóm Khách hàng rủi ro	Rà soát toàn bộ danh mục khách hàng đang có dư nợ
2	Giảm dư nợ rủi ro	Lập danh sách nhóm Khoản vay có rủi ro cao	↓10–20% dư nợ rủi ro
3	Điều chỉnh lãi suất	Áp dụng risk-based pricing theo nhóm KH	NIM +0.5–1%
Nhóm giải pháp Tăng thu phí/Bán thêm/Bán chéo			
1	Thiết kế gói dịch vụ	Combo: chuyển tiền + payroll + tài khoản	Bộ sản phẩm
2	Tăng cường bán thêm bán chéo	Giao RM và Giao dịch viên list KH hiện hữu/KH inactive để tăng cường khai thác khách hàng hiện hữu và khách hàng ngủ đông	Fee +20–30%

Bước	Công việc	Cách làm cụ thể	KPI
3	Gắn CASA	Yêu cầu duy trì số dư để hưởng ưu đãi	CASA +20%
4	Tiếp cận nhóm Hộ kinh doanh	Tư vấn, hỗ trợ, cung cấp giải pháp hỗ trợ Hộ kinh doanh tuân thủ đúng theo quy định	Tăng tài khoản, tăng Casa
5	Điều kiện tối thiểu đối với CBBH	Giao KPI có điều kiện tối thiểu đối với CBBH đối với các sản phẩm/dịch vụ cơ bản	Tăng thu phí

Nhóm giải pháp khai thác hệ sinh thái KH

1	Chọn KH lõi	Top DN lớn	Danh sách
2	Mapping chuỗi	Supplier / dealer	Sơ đồ chuỗi
3	Tiếp cận KH mới	RM tiếp cận đối tác	KH mới +15-20%
4	Cho vay chuỗi	SCF financing	Dư nợ +10%
5	Payroll	Bán cho nhân viên DN	CASA ↑

Nhóm giải pháp Thẻ và ngân hàng số

1	Ra mắt LPBank Plus	Chuyển đổi toàn bộ trong năm 2026	KH số +30%
2	Phát hành Thẻ Áo/Thẻ Phi vật lý	Số hóa công nghệ	Thu phí dịch vụ ↑
3	Thu phí tự động	Auto debit	Tăng thu phí
4	Đẩy mạnh thanh toán QR Code	Tích hợp QR Code thanh toán tại các điểm bán, Hộ kinh doanh, hóa đơn... để tăng tần suất giao dịch	CASA ↑
5	Thẻ tín dụng chuyên biệt	Phát hành Thẻ cho từng phân khúc (hoàn tiền, tích điểm....) nhằm kích thích mua sắm	Tăng thu phí
6	eKYC	Mở tài khoản, thẻ nhanh chóng	Gia tăng số lượng Khách hàng
7	Gamification Marketing	Tạo các trò chơi tích điểm, liveshow, nhận quà trên App hoặc tại điểm trưng bày	Gia tăng số lượng Khách hàng, giữ chân Khách hàng
8	Cho vay online nhanh	Quy trình xét duyệt tự động giúp cho vay cầm cố, thấu chi nhanh chóng	Tăng thu lãi, phí

Bước	Công việc	Cách làm cụ thể	KPI
9	Tích hợp hệ sinh thái	Kết nối các nền tảng thương mại, điện tử, đặt vé, thanh toán....	Tăng thu phí, tăng Casa

Phụ lục 02: Nhóm giải pháp kiểm soát và tối ưu chi phí**Nguyên tắc thực hiện**

- Triển khai tập trung – thống nhất – xuyên suốt toàn hệ thống;
- Ưu tiên cắt giảm chi phí không thiết yếu, không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cốt lõi;
- Gán trách nhiệm người đứng đầu đơn vị với kết quả tiết giảm chi phí;
- Thực hiện giám sát liên tục và điều chỉnh linh hoạt.

Bước 1: Kích hoạt chương trình kiểm soát chi phí

- Đơn vị đầu mối: Khối TT&QTTC;
- Thực hiện: Xác định mức lỗ lũy kế và ngưỡng kích hoạt → Báo cáo Ban Điều hành → Đề xuất kích hoạt chương trình tiết giảm chi phí toàn hàng;
- Phê duyệt: Tổng Giám đốc/Hội đồng quản trị (tùy mức độ).

Bước 2: Ban hành chỉ thị tiết giảm chi phí

- Đơn vị chủ trì: Khối TT&QTTC;
- Phối hợp: Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ, Khối CNTT;
- Nội dung triển khai: Xác định danh mục: Chi phí cắt giảm ngay; Chi phí giãn/hoãn; Chi phí giữ nguyên → Ban hành chỉ thị tiết giảm chi phí.

Bước 3: Rà soát và lập phương án tại các đơn vị

- Đơn vị thực hiện: Tất cả Khối/Đơn vị Kinh doanh;
- Nội dung: Rà soát toàn bộ chi phí đang phát sinh → Xây dựng kế hoạch tiết giảm chi tiết: Mức cắt giảm (%) theo từng danh mục chi phí cụ thể;
- Gửi về: Khối TT&QTTC tổng hợp.

Bước 4: Thẩm định và phê duyệt kế hoạch tiết giảm

- Đơn vị chủ trì: Khối TT&QTTC;
- Phối hợp: Khối NS&DVNB (liên quan nhân sự, XDCCB), Khối CNTT (liên quan dự án đầu tư CNTT);
- Nội dung: Đánh giá tính khả thi và mức độ ảnh hưởng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 5: Triển khai thực hiện

- Đơn vị thực hiện: Các Khối/Đơn vị kinh doanh;
- Cơ chế kiểm soát: Tạm dừng/phê duyệt lại các khoản chi chưa cần thiết/có thể giảm/giãn;
- Các hành động chính: Cắt giảm chi phí vận hành không cần thiết, Tạm dừng các khoản đầu tư chưa cấp bách, Tối ưu nhân sự, thuê ngoài.

Bước 6: Giám sát và báo cáo

- Đơn vị chủ trì: Khối TT&QTTC;
- Cơ chế giám sát: Thực hiện báo cáo: Hàng tuần (giai đoạn đầu) và Hàng tháng (duy trì); So sánh giữa thực tế với kế hoạch tiết giảm; Cảnh báo đơn vị không thực hiện đúng theo kế hoạch đã xây dựng;
- Công cụ: Báo cáo phân tích biến động chi phí hoạt động toàn hệ thống.

Bước 7: Đánh giá và điều chỉnh

- Đơn vị chủ trì: Khối TT&QTTC;
- Nội dung: Đánh giá hiệu quả tiết giảm chi phí, Điều chỉnh, bổ sung biện pháp nếu chưa đạt mục tiêu.

Kết quả kỳ vọng

- Giảm nhanh chi phí hoạt động;
- Kiểm soát CIR theo mục tiêu;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực;
- Tăng khả năng phục hồi tài chính.

Phụ lục 03: Ngưỡng dấu hiệu cảnh báo xếp hạng Ngân hàng và mục tiêu hành động

Xếp hạng dưới mức trung bình khi Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5

STT	Tên chỉ tiêu	Thang điểm	Ngưỡng cảnh báo	Mục tiêu hành động
1	VỐN (C)			
1.1	Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41	$\geq 11\%$: 0,375 $9-11\%$: 0,300 $7-9\%$: 0,225 $5-7\%$: 0,150 $< 5\%$: 0,075	Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41 $< 7\%$	- Tăng vốn tự có - Cơ cấu lại tài sản - Mục tiêu đưa CAR về ngưỡng tối thiểu 8%
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 theo Thông tư 41	$\geq 8,5\%$: 0,375 $7-8,5\%$: 0,300 $5,5-7\%$: 0,225 $4-5,5\%$: 0,150 $< 4\%$: 0,075	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 theo Thông tư 41 $< 5,5\%$	
2	CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
2.1	Tỷ lệ nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được và nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng nợ cộng thêm các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được	$\leq 2\%$: 0,500 $2-3\%$: 0,400 $3-5\%$: 0,300 $5-7\%$: 0,200 $> 7\%$: 0,100	Tỷ lệ nợ xấu (NPL) $> 3\%$ tổng dư nợ	- Mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu (NPL) $< 3\%$ tổng dư nợ - Kiểm soát nợ xấu phát sinh mới, tăng thu nợ. Nếu có VAMC cần nhanh chóng xử lý
2.2	Tỷ lệ nợ Nhóm 2 so với tổng nợ	$\leq 2,5\%$: 0,188 $2,5-4\%$: 0,150 $4-5,5\%$: 0,113 $5,5-7\%$: 0,075 $> 7\%$: 0,038	Tỷ lệ nợ nhóm 2 $> 4\%$ tổng dư nợ	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ nợ nhóm 2 $< 4\%$ tổng dư nợ - Kiểm soát nợ quá hạn phát sinh mới, tăng thu nợ, tăng cường công tác cảnh báo sớm
2.3	Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 100 khách hàng lớn nhất so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân	$\leq 20\%$: 0,313 $20-30\%$: 0,250 $30-40\%$: 0,188 $40-50\%$: 0,125 $> 50\%$: 0,063	Tỷ lệ cấp tín dụng top 100KH $> 30\%$ tổng dư nợ cấp tín dụng	- Mục tiêu đưa tỷ lệ cấp tín dụng top 100KH $< 30\%$ tổng dư nợ cấp tín dụng - Kiểm soát mức độ tập trung tín dụng với TOP 100 khách hàng lớn nhất
2.4	Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm	$\leq 1\%$: 0,063 $1-2\%$: 0,050 $2-3\%$: 0,038	Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến

	5 so với tổng nợ và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5	3-5%: 0,025 >5%: 0,013	3 đến nhóm 5 >2% tổng nợ và cam kết ngoại bảng	nhóm 5 <2% tổng nợ và cam kết ngoại bảng - Kiểm soát nợ xấu phát sinh mới, tăng thu nợ
2.5	Tỷ lệ dự phòng cụ thể đã trích lập so với nợ nhóm 2 đến nhóm 5	≥25%: 0,063 20-25%: 0,050 15-20%: 0,038 10-15%: 0,025 <10%: 0,013	Tỷ lệ DPCT đã trích <20% nợ nhóm 2 đến nhóm 5	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ DPCT đã trích >20% nợ nhóm 2 đến nhóm 5 - Kiểm soát nợ xấu, nợ quá hạn mới gia tăng - Thu hồi nợ nhóm 2-5, Kiểm soát nợ tiềm ẩn nợ xấu - Tăng cường trích lập DPRR
2.6	Tỷ lệ dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ tín dụng (không bao gồm dư nợ tín dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác)	≤5%: 0,125 5-10%: 0,100 10-15%: 0,075 15-20%: 0,050 >20%: 0,025	Tỷ lệ dư nợ đầu tư, kinh doanh BĐS >10% tổng dư nợ tín dụng	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ dư nợ đầu tư, kinh doanh BĐS <10% tổng dư nợ tín dụng - Kiểm soát dư nợ vào các ngành, lĩnh vực không được ưu tiên theo chính sách của Chính phủ trong từng thời kỳ
2.7	Tỷ lệ tài sản có khác bình quân so với Tổng tài sản bình quân	≤2,5%: 0,125 2,5-3,5%: 0,100 3,5-5%: 0,075 5-6%: 0,050 >6%: 0,025	Tỷ lệ tài sản có khác bình quân >3,5% Tổng tài sản bình quân	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ tài sản có khác bình quân <3,5% Tổng tài sản bình quân
3	QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH			
3.1	Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động	≤35%: 0,150 35-45%: 0,120 45-50%: 0,090 50-60%: 0,060 >60%: 0,030	Tỷ lệ chi phí hoạt động >45% tổng thu nhập hoạt động	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ chi phí hoạt động <45% tổng thu nhập hoạt động - Kiểm soát và tối ưu chi phí, - Tăng cường doanh thu
4	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			

4.1	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân	$\geq 15\%$: 0,225 $15-13\%$: 0,180 $13-10\%$: 0,135 $10-8\%$: 0,090 $< 8\%$: 0,045	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế $< 13\%$ VCSH bình quân	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đưa Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế $> 13\%$ VCSH bình quân - Nâng cao khả năng sinh lời, kiểm soát các chi phí không cần thiết
4.2	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với tổng tài sản bình quân	$\geq 1,5\%$: 0,225 $1,5-1,1\%$: 0,180 $1,1-0,8\%$: 0,135 $0,8-0,6\%$: 0,090 $< 0,6\%$: 0,045	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế $< 1,1\%$ tổng tài sản bình quân	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đưa Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế $> 1,1\%$ tổng tài sản bình quân - Nâng cao khả năng sinh lời, kiểm soát các chi phí không cần thiết
4.3	Thu nhập lãi cận biên (NIM)	$\geq 3\%$: 0,150 $3-2,5\%$: 0,120 $2,5-2\%$: 0,090 $2-1,5\%$: 0,060 $< 1,5\%$: 0,030	Tỷ lệ thu nhập lãi thuần $< 2,5\%$ tài sản có sinh lãi bình quân	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đưa Tỷ lệ thu nhập lãi thuần $> 2,5\%$ tài sản có sinh lãi bình quân - Nâng cao khả năng sinh lời, xây dựng chính sách lãi suất cạnh tranh.
4.4	Số ngày lãi phải thu	≤ 55 : 0,150 $55-70$: 0,120 $70-85$: 0,090 $85-95$: 0,060 > 95 : 0,030	Số ngày lãi phải thu > 70 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đưa Số ngày lãi phải thu < 70 ngày - Tích cực đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, quá hạn
5	KHẢ NĂNG THANH KHOẢN			
5.1	Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân so với tổng tài sản bình quân	$\geq 20\%$: 0,125 $15-20\%$: 0,100 $9-15\%$: 0,075 $5-9\%$: 0,050 $< 5\%$: 0,025	Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân 15% tổng tài sản bình quân	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đưa Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân $> 15\%$ tổng tài sản bình quân - Duy trì cơ cấu tài sản có tính thanh khoản cao phù hợp với cơ cấu tổng tài sản trong từng thời kỳ
5.2	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn	$\leq 25\%$: 0,125 $25-30\%$: 0,100 $30-35\%$: 0,075 $35-40\%$: 0,050 $> 40\%$: 0,025	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn $> 30\%$	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu đưa Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn $< 30\%$ - Kiểm soát cơ cấu kỳ hạn giữa cho vay, huy động
5.3	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	$\leq 70\%$: 0,150 $70-80\%$: 0,120 $80-90\%$: 0,090	Tỷ lệ dư nợ cho vay $> 80\%$ tổng tiền gửi	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu duy trì LDR tối đa 85%

		90-95%: 0,060 >95%: 0,030		
5.4	Tỷ lệ tiền gửi của 10 khách hàng có số dư tiền gửi lớn so với tổng tiền gửi	≤5%: 0,100 5-10%: 0,080 10-13%: 0,060 13-18%: 0,040 >18%: 0,020	Tỷ lệ Top 10 khách hàng chiếm > 10% tổng dư nợ	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ Top 10 khách hàng chiếm < 10% tổng dư nợ - Dịch chuyển cơ cấu huy động và đa dạng hóa khách hàng lớn
6	MỨC ĐỘ NHẠY CẢM VỚI RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
6.1	Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân	≤10%: 0,050 10-15%: 0,040 15-20%: 0,030 20-25%: 0,020 >25%: 0,010	Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ >15% vốn tự có riêng lẻ bình quân	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ <15% vốn tự có riêng lẻ bình quân - Duy trì trạng thái ngoại tệ phù hợp và cân đối với quy mô vốn tự có trong từng thời kỳ; - Theo dõi diễn biến tỷ giá.
6.2	Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu	≤50%: 0,050 50-65%: 0,040 65-80%: 0,030 80-95%: 0,020 >95%: 0,010	Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất >65% Vốn chủ sở hữu	- Mục tiêu đưa Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất <65% Vốn chủ sở hữu - Xây dựng, giám sát hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy mô vốn chủ sở hữu

Đơn vị chủ trì: Hội đồng quản trị

Số: 773/2026/TTr-BOD

Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát LPBank trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028, cụ thể như sau:

1. Bà Vương Thị Huyền – thành viên Hội đồng quản trị: miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm
2. Bà Dương Hoài Liên – thành viên Ban kiểm soát: miễn nhiệm để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bà Dương Hoài Liên được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận là nhân sự dự kiến bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị.

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ việc miễn nhiệm đối với 02 nhân sự nêu trên.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VPQT.

Đơn vị chủ trì: Hội đồng quản trị

Số: 774/2026/TTr-BOD

Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ LPBank;

Căn cứ Văn bản số 3394/NHNN-QLGS ngày 24/4/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Hội đồng quản trị (HĐQT) LPBank trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028, cụ thể như sau:

1. Về số lượng thành viên HĐQT:

- Số lượng thành viên HĐQT hiện tại: 05 thành viên HĐQT, trong đó có 02 thành viên độc lập.
- Số lượng thành viên HĐQT dự kiến bầu bổ sung: 02 thành viên (trong trường hợp bà Dương Hoài Liên được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận là nhân sự dự kiến bầu bổ sung vào HĐQT), trong đó có 01 thành viên độc lập.
- Số lượng thành viên HĐQT sau khi bầu bổ sung: 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập (trong trường hợp bà Vương Thị Huyền được ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT theo đơn từ nhiệm).
- Số lượng thành viên HĐQT không phải là người điều hành là 06 thành viên, trong đó 02 thành viên là thành viên độc lập HĐQT;
- Số lượng thành viên HĐQT là người có liên quan: 0/6 thành viên (đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng).

2. Danh sách ứng viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 được HĐQT đề cử để trình ĐHĐCĐ như sau:

2.1. Bà Dương Hoài Liên

- Sinh năm: 1981
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng
- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính: 21 năm
- Vị trí đề cử: Thành viên HĐQT.

2.2. Ông Phạm Quang Hưng

- Sinh năm: 1983
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Khoa học và Công nghệ



[Handwritten signature]

- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính: 20 năm
- Vị trí đề cử: Thành viên độc lập HĐQT.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

TM. Hội đồng Quản trị

Chữ ký 

Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VPQT.

Đính kèm:

- Trích ngang sơ yếu lý lịch của ứng viên được đề cử

**TRÍCH NGANG SƠ YẾU LÝ LỊCH NHÂN SỰ ỨNG VIÊN ĐỀ CỬ BẦU BỎ SUNG VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM NHIỆM KỲ IV (2023 – 2028)**

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/Ngày cấp/Nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Quá trình công tác
1.	Dương Liên Hoài	23/09/1981	Số CCCD: 001181004188 Ngày cấp: 13/04/2021. Nơi cấp Cục CS QLHC về TTXH	Tổ dân phố 2, phường Hà Đông, TP Hà Nội	- Thạc sỹ Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 12/2004 → 09/2005: Chuyên viên tín dụng – Ngân hàng VIB - Sở giao dịch - Từ 11/2005 → 09/2006: Nhân viên tín dụng cá nhân – Ngân hàng Sacombank - CN Hà Nội - Từ 10/2006 → 07/2007: Nhân viên Tín dụng Doanh nghiệp cấp 1 – Ngân hàng Sacombank - CN Hà Nội - Từ 08/2007 → 09/2008: Chuyên viên Ngân hàng – Ngân hàng Sacombank - Hội sở (Phòng Thẩm định) - Từ 09/2008 → 10/2009: Chuyên viên Thẩm định – Ngân hàng Sacombank - Hội sở (Văn phòng Khu vực Hà Nội) - Từ 10/2009 → 04/2010: Phó Phòng phụ trách Phòng giao dịch Hà Tây – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Hà Đông - Từ 04/2010 → 05/2010: Trưởng phòng giao dịch Hà Tây – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Hà Đông - Từ 05/2010 → 09/2010: Phó phòng Phụ trách phòng Dịch vụ khách hàng – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đống Đa

(Chữ ký)

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/Ngày cấp/Nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Quá trình công tác
						<ul style="list-style-type: none"> - Từ 09/2010 → 01/2011: Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Đa - Từ 02/2012 → 06/2012: Trợ lý giám đốc chi nhánh – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Đa - Từ 06/2012 → 12/2013: Trưởng phòng Doanh nghiệp – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Đa - Từ 12/2013 → 05/2014: Trưởng phòng Kinh doanh – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đồng Đa - Từ 05/2014 → 11/2015: Trưởng phòng Kinh doanh – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội - Từ 11/2015 → 03/2018: Phó Giám đốc Chi nhánh phụ trách Kinh doanh – Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội - Từ 04/2018 → 04/2023: Thành viên HĐQT độc lập – Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Từ 04/2023 → Nay: Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam



TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/Ngày cấp/Nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Quá trình công tác
2.	Phạm Hung	Quang	30/10/1983	Số 6, Đường 6, KP2, Phường Bình Trưng TP. Hồ Chí Minh	- Thạc sỹ Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 08/2006 → 03/2009: Chuyên viên tư vấn – Công ty Mercer - Từ 03/2009 → 04/2011: Chuyên viên tư vấn cao cấp – Công ty Deloitte - Từ 06/2011 → 10/2013: Trưởng phòng Định Phí – Công ty Mazars Assurance Vie, Paris, Pháp - Từ 02/2014 → 02/2015: Trưởng phòng Định Phí – Công ty TNHH BHNT Sun Life Việt Nam (tên cũ là PVI Sun Life) - Từ 03/2015 → 06/2019: Chuyên gia tính toán được chỉ định kiêm Quản lý rủi ro – Công ty TNHH BHNT Fubon Việt Nam - Từ 12/2019 → 07/2020: Giám đốc của Phòng Hợp tác và Phát triển các kênh phân phối, Phòng Định phí bảo hiểm – Công ty TNHH BHNT Cathay Việt Nam - Từ 07/2020 → 10/2025: Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH BHNT Cathay Việt Nam - Từ 12/2025 → 02/2026: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị – Tổng Công ty Bảo hiểm LPBank - Từ 02/2026 → Nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị – Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank





Đơn vị chủ trì: Hội đồng Quản trị
Số: 775/2026/TTr-BOD
Ngày ban hành: 24/4/2026

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank)

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ LPBank;

Căn cứ Văn bản số 3394/NHNN-QLGS ngày 24/4/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (BKS) LPBank trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về nhân sự BKS, cụ thể như sau:

I. Phê duyệt số lượng thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023 - 2028 là 06 thành viên.

II. Bầu bổ sung thành viên BKS theo thông tin dưới đây:

- Số lượng thành viên BKS hiện tại: 03 thành viên
- Số lượng thành viên BKS dự kiến bầu bổ sung: 03 thành viên
- Số lượng thành viên BKS sau khi bầu bổ sung: 06 thành viên. Trong trường hợp bà Dương Hoài Liên (hiện tại đang là thành viên BKS) được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận là nhân sự dự kiến bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị LPBank, Hội đồng quản trị sẽ trình ĐHĐCĐ miễn nhiệm chức danh thành viên BKS, do đó số lượng thành viên BKS dự kiến sau khi bầu là: 05 thành viên.
- Danh sách ứng viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 được BKS đề cử để trình ĐHĐCĐ gồm 04 ứng viên như sau:

1. Bà Phạm Thị Thơm

- Sinh năm: 1969
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính: 34 năm
- Vị trí đề cử: Thành viên Ban kiểm soát.

2. Bà Trịnh Thị Thanh Hằng

- Sinh năm: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính: 26 năm



W2

- Vị trí đề cử: Thành viên Ban kiểm soát.

3. Bà Phùng Thị Thu Hiền

- Sinh năm: 1984
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị rủi ro – Ngân hàng tài chính
- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính: 17 năm
- Vị trí đề cử: Thành viên Ban kiểm soát.

4. Bà Dương Thị Thanh Hương

- Sinh năm: 1979
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính: 14 năm
- Vị trí đề cử: Thành viên Ban kiểm soát.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, VPQT.

Đính kèm:

- Trích ngang sơ yếu lý lịch của ứng viên được đề cử.

**TRÍCH NGANG SƠ YẾU LÝ LỊCH NHÂN SỰ ỨNG VIÊN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG VÀO BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG TMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM NHIỆM KỲ IV (2023 – 2028)**

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/Ngày cấp/Nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Quá trình công tác
1.	Phạm Thị Thom	05/02/1969	Số CCCD: 037169000304 Ngày cấp: 31/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TT Bách Khoa, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 03/1991 → 01/1992: Nhân viên Hành chính tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Hà Nội. - Từ 02/1992 → 09/2001: Nhân viên Kế toán tại Agribank – Chi nhánh Hà Nội. - Từ 10/2001 → 09/2003: Phó phòng Kế toán tại Agribank – Chi nhánh Hà Nội. - Từ 10/2003 → 12/2005: Trưởng phòng Kế toán tại Agribank – Chi nhánh Hà Nội, phụ trách quản lý chung và trực tiếp mảng tài chính. - Từ 01/2006 → 09/2006: Chuyên viên tại Vụ Tài chính kế toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nhiệm vụ xây dựng chính sách. - Từ 10/2006 → 12/2008: Phó phòng Chế độ tại Vụ Tài chính kế toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xây dựng chính sách kế toán của tổ chức tín dụng. - Từ 01/2009 → 03/2021: Trưởng phòng Chế độ tại Vụ Tài chính kế toán – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xây dựng chính sách kế toán tổ chức tín dụng và Ngân hàng Nhà nước.

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/Ngày cấp/Nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Quá trình công tác
						<ul style="list-style-type: none"> - Từ 07/2009 → 03/2019: Thành viên Ban kiểm soát tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank). - Từ 04/2021 → 10/2025: Thành viên Ban kiểm soát tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank).
2.	Trịnh Thị Thanh Hằng	05/11/1976	Số CCCD: 038176009396 ngày cấp 27/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.	TH CCCT&DV N04, KĐT MĐN, Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 09/1998 → 06/1999: Giáo viên – Trường PTTH dân lập Hồng Bàng - Từ 06/1999 → 12/2008: Nhân viên Công nghệ thông tin – Ngân hàng TMCP Quân đội - Từ 12/2008 → 03/2010: Nhân viên Tài chính kế toán – Ngân hàng TMCP Quân đội - Từ 04/2010 → 04/2015: Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - Từ 11/2010 → 08/2015: Kiểm soát viên – Công ty TNHH Thu hồi nợ AMC VPBank (AMC VPBank) - Từ 08/2015 → 04/2017: Kiểm soát viên chuyên trách – Công ty TNHH Thu hồi nợ AMC VPBank (AMC VPBank) - Từ 04/2017 → 04/2025: Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/Ngày cấp/Nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Quá trình công tác
3.	Phùng Thị Thu Hiền	17/11/1984	Số CCCD: 001184015799 Ngày cấp: 22/10/2024. Nơi cấp: Bộ Công an	Tập thể Đại học KTQD, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Rủi ro – Ngân hàng tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 05/2009 → 06/2012: Chuyên viên Quản lý rủi ro – Ngân hàng Liên Việt (sau đổi tên là Ngân hàng Bưu điện Liên Việt) - Từ 06/2012 → 01/2015: Trưởng bộ phận Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Từ 01/2015 → 06/2018: Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Từ 06/2018 → 01/2022: Trưởng phòng Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Từ 01/2022 → 4/2026: Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tên cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)
4.	Dương Thị Thanh Hương	29/11/1979	Số CCCD: 036179006637 Ngày cấp: 29/03/2024 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.	TDP Goldenplae, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 12/2003 → 02/2005: Nhân viên tại Công ty Thông tin di động VMS, thực hiện nhiệm vụ giao dịch với khách hàng trong lĩnh vực viễn thông. - Từ 05/2005 → 02/2011: Chuyên viên tín dụng tại Phòng tín dụng, Công ty Tài chính Bưu điện – Tập đoàn VNPT, thực hiện các công việc liên quan đến tín dụng. - Từ 03/2011 → 07/2011: Trợ lý Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần XNK Cơ điện Thanh Phong trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. - Từ 08/2011 → 02/2024: Chuyên viên phòng dịch vụ ngân hàng, Ban Dịch vụ Tài chính Bưu chính tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, thực hiện

TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/Ngày cấp/Nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Quá trình công tác
						<p>các công việc liên quan đến dịch vụ tài chính ngân hàng.</p> <p>- Từ 03/2024 → Nay: Chuyên viên phòng dịch vụ ngân hàng, Ban Điều hành Kinh doanh dịch vụ Tài chính Bưu chính tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.</p>

Đơn vị: Hội đồng Quản trị

Số: 623/2026./T.Tr.-BOD...

Ngày ban hành: ..06/4/2026...

TỜ TRÌNH

Về việc: sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định Sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam số 292/QĐ-NHNN ngày 02/03/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với 02 văn bản sau: (i) Điều lệ LPBank; (ii) Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, với các nội dung chính như sau:

1. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG


Để đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất giữa Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam, các quy định pháp luật và văn bản nội bộ của LPBank, tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hoạt động thì việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ LPBank và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị là cần thiết.

2. NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều lệ:** Theo Phụ lục 01 đính kèm.
- Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị:** Theo Phụ lục 02 đính kèm.

3. KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt:

- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ LPBank. Giao Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc hoàn thiện chỉnh sửa nội dung Điều lệ nhằm phù hợp quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết) và giao Người đại diện theo pháp luật ký ban hành. 

- b) Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị. Giao Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc hoàn thiện chỉnh sửa nội dung Quy chế nhằm phù hợp quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết) và ban hành, triển khai thực hiện. *[Signature]*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hồ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPQT.



PHỤ LỤC 01. BẢN THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ LPBANK

Văn bản hiện tại: Điều lệ Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 11/02/2026

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điểm b khoản 1 Điều 1	<i>Ngày thành lập</i> là ngày LPBank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;	Lược bỏ	Do không sử dụng trong Điều lệ
2	Tiết (iv) Điểm f khoản 1 Điều 1	<i>Công ty con của LPBank</i> là công ty thuộc một trong các trường hợp sau: LPBank và người có liên quan của LPBank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty đó.	LPBank hoặc LPBank và người có liên quan của LPBank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty đó.	Điều chỉnh để phù hợp với điểm d khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD
3	Điểm k khoản 1 Điều 1	<i>Cổ tức</i> là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;	<i>Cổ tức</i> là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác	Điều chỉnh để phù hợp với khoản 5 Điều 4 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
4	Điểm 1 khoản 1 Điều 1	Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của LPBank và đăng ký tên trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của LPBank với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần;	Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của LPBank	Điều chỉnh để phù hợp với khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
5	Điểm n khoản 1 Điều 1	Cổ đông lớn là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của LPBank;	Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của LPBank, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 8 Điều 4 Luật các TCTD
6		<i>Chưa quy định</i>	BKS là Ban Kiểm soát	Bổ sung thuật ngữ viết tắt được sử dụng trong toàn bộ Điều lệ
7	Điểm v khoản 1 Điều 1	Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ căn cước, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;	Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ căn cước, Căn cước công dân , Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;	Bổ sung để đầy đủ
8		Chưa quy định	Địa chỉ liên lạc là địa chỉ địa lý hoặc địa chỉ của phương tiện điện tử (như địa chỉ thư điện tử, fax,	Bổ sung giải thích từ ngữ

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
			số điện thoại hoặc các địa chỉ khác theo quy định của LPBank từng thời kỳ)	'Địa chỉ liên lạc" được sử dụng trong Điều lệ
9	Khoản 4 Điều 2	Trụ sở chính đặt tại: LPB Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Điện thoại : 024.62 668 668 Fax : 024.62 66 96 69	Trụ sở chính đặt tại: Số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo QĐ 292/QĐ-NHNN của NHNN ngày 2/3/2026
10	Khoản 2 Điều 2	Người đại diện theo pháp luật của LPBank là Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc LPBank. HĐQT quyết định và thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật trong từng thời kỳ. Người đại diện theo pháp luật của LPBank phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của LPBank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Việc	LPBank có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của LPBank là Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc LPBank. HĐQT quyết định và thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật trong từng thời kỳ. Người đại diện theo pháp luật của LPBank thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của LPBank. Người đại diện theo pháp luật của LPBank phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác	Điều chỉnh để phù hợp với khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		ủy quyền thực hiện theo quy định nội bộ của LPBank về ủy quyền.	là Người quản lý, Người điều hành của LPBank đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định nội bộ của LPBank về ủy quyền.	
11	Điều 17	Vốn hoạt động của LPBank 1. Vốn chủ sở hữu: a) Vốn điều lệ của LPBank hoặc vốn được cấp; b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá; c) Thặng dư vốn cổ phần; d) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính; e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân bổ, lỗ lũy kế chưa xử lý; f) Vốn khác thuộc sở hữu của LPBank. 2. Vốn huy động:	<i>Lược bỏ</i>	Lược bỏ do không cần thiết quy định trong Điều lệ và có thể thay đổi theo thực tế hoạt động của LPBank.

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<ul style="list-style-type: none"> a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân; vốn huy động thông qua phát hành các loại giấy tờ có giá; b) Vốn nhận ủy thác đầu tư; c) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; d) Vốn vay NHNN. <p>3. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.</p>		
12	Điều 20	<p>Cổ phần, Cổ đông, Mệnh giá Cổ phần, Trái phiếu</p> <p>1. LPBank phải có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trong đó phải có cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân theo quy định của NHNN. Các tỷ lệ góp vốn của cổ đông phải đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần</p>	<p>Điều 19. Cổ phần</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Một cổ phần của LPBank có mệnh giá là 10.000 (mười nghìn đồng). 2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của LPBank là cổ phần phổ thông, tất cả các cổ đông của LPBank là cổ đông phổ thông. 3. LPBank có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi hoặc cổ phần ưu đãi kèm chứng quyền khi 	<p>Tách thành điều khoản cổ phần và cổ đông riêng biệt để phù hợp với sự thay đổi cấu trúc Điều lệ.</p> <p>Điều chỉnh nội dung để phù hợp với loại cổ phần và cổ đông hiện hành của LPBank</p>

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>của LPBank theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các loại cổ phần, cổ đông:</p> <p>a) LPBank có quyền phát hành các loại cổ phần, chứng khoán theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>b) Các loại cổ phần, cổ đông:</p> <p>(i) LPBank phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi;</p> <p>(ii) LPBank có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. LPBank có thể phát hành cổ phiếu ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển</p>	<p>có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.</p> <p>5. Việc mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>Điều 28. Cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của LPBank, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu.</p> <p>2. LPBank có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trong đó phải có cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân theo quy định của NHNN. Tỷ lệ sở hữu</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ. Cổ phần ưu đãi gồm: Cổ phần ưu đãi cổ tức; Các loại cổ phần ưu đãi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, trừ các loại cổ phần ưu đãi dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của LPBank.</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát. Cổ tức của cổ phần ưu đãi cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của LPBank. Trường hợp LPBank kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào</p>	<p>cổ phần của các cổ đông phải đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại LPBank thực hiện theo quy định của LPBank và pháp luật.</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do ĐHĐCĐ quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của LPBank;</p> <p>(iii) Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý, điều hành khác của LPBank không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức của chính LPBank phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định.</p> <p>c) Cổ phần của LPBank được mua bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ một lần.</p>		

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>(i) Mệnh giá một cổ phần của LPBank là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng Việt Nam);</p> <p>(ii) LPBank có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>		
13	Khoản 5 Điều 23	<p>Mua lại cổ phần:</p> <p>Việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của LPBank thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và theo quy định sau:</p> <p>LPBank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không</p>	<p>Mua lại cổ phần, cổ phiếu</p> <p>1. LPBank chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định pháp luật.</p> <p>2. LPBank mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p>	<p>Tách nội dung về mua lại cổ phần ra điều khoản riêng để phù hợp với cấu trúc Điều lệ mới</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều 36 Luật Chứng khoán và Điều 132, Điều 134 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>giảm thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định pháp luật.</p> <p>a) Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>(i) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại LPBank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu LPBank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu LPBank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến LPBank trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;</p> <p>(ii) LPBank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại tiết</p>	<p>a) Có quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;</p> <p>b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;</p> <p>d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp LPBank thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;</p> <p>e) Không thuộc các trường hợp sau đây:</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>(i) điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của pháp luật trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. LPBank giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>b) Mua lại cổ phần theo quyết định của LPBank:</p> <p>(i) LPBank có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc</p>	<p>(i) LPBank đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;</p> <p>(ii) LPBank đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;</p> <p>(iii) Cổ phiếu của LPBank đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;</p> <p>(iv) Đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>(ii) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;</p> <p>(iii) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại tiết (iii) Điểm này. Đối với cổ phần loại khác, nếu LPBank và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p>	<p>thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ trường hợp được miễn trừ hoặc pháp luật có quy định khác;</p> <p>3. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong LPBank hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, LPBank không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:</p> <p>a) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật Chứng khoán;</p> <p>b) Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>(iv) LPBank có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong LPBank. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của LPBank phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của LPBank, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho LPBank;</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được LPBank trong thời hạn 30 (ba</p>	<p>c) Cổ đông lớn của LPBank.</p> <p>4. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại LPBank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu LPBank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu LPBank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến LPBank trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;</p> <p>b) LPBank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá do hai bên thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>mười) ngày, kể từ ngày thông báo.</p> <p>Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông.</p> <p>LPBank chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p> <p>c) Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo quy định dưới đây:</p> <p>(i) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 4 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;</p>	<p>không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. LPBank giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>5. LPBank có thể mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của LPBank, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định pháp luật.</p> <p>6. Việc mua lại cổ phần, cổ phiếu tại khoản 4, khoản 5 Điều này được miễn trừ điều kiện nêu tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này.</p> <p>7. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của LPBank giảm hơn 10% thì LPBank phải</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>(ii) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với LPBank;</p> <p>(iii) LPBank chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, LPBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do NHNN quy định.</p> <p>Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của LPBank theo quy định tại Khoản</p>	<p>thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.</p> <p>8. Thủ tục thực hiện mua lại, điều kiện thanh toán, xử lý các cổ phần được mua lại, giảm vốn điều lệ của LPBank (trường hợp pháp luật có yêu cầu), báo cáo việc mua lại và công bố thông tin sẽ được thực hiện theo quy định theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định của LPBank từng thời kỳ.</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		này thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.		
14	Khoản 7 Điều 23	Trong trường hợp cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.	<p>Thừa kế cổ phần</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong trường hợp cổ đông chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế. 2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật về thừa kế, người thừa kế thực hiện việc nhận thừa kế đối với cổ phần được thừa kế theo quy định của pháp luật và trở thành cổ đông của LPBank, được hưởng các quyền và nghĩa vụ của cổ đông mà họ được thừa kế phù hợp với với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan. 	Tách nội dung thừa kế thành điều khoản riêng và bổ sung nguyên tắc thực hiện khi phát sinh sự kiện thừa kế cổ phần của cổ đông LPBank

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
			3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người quản lý và các chức danh khác tại LPBank được sở hữu cổ phần để trở thành cổ đông của LPBank nhưng không được thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người quản lý và các chức danh khác tại LPBank.	
15	Khoản 4, 6, 8, 9, 10 Điều 23	<p>4. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết của LPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>6. Thặng dư vốn do chênh lệch giữa giá bán với mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá thì LPBank phải hạch toán vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Thặng dư vốn nêu trên LPBank chỉ sử dụng để bổ sung vốn điều lệ sau 12 (mười hai) tháng kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành.</p>	<p>Việc mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng.</p> <p>Sau khi niêm yết, việc quản lý, phát hành và chuyển nhượng cổ phần của LPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. LPBank phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng</p>	<p>Lược bỏ các nội dung có nghĩa tương tự để ngắn gọn</p> <p>Lược bỏ nội dung hạch toán thặng dư vốn do không cần thiết quy định trong điều lệ, thực hiện theo các quy định về hạch toán, kế toán</p>



STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>8. LPBank phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Điều lệ của LPBank và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.</p> <p>9. Việc mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng.</p> <p>10. Sau khi niêm yết, việc quản lý, phát hành và chuyển nhượng cổ phần của LPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. LPBank phải chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p>	<p>khoán Nhà nước, Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
16	Khoản 2 Điều 25	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của LPBank;</p> <p>b) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của LPBank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của LPBank;</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của LPBank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp Khoản 2, khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của LPBank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>c) Đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của LPBank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
17	Khoản 1 Điều 28	<p>ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp ĐHCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa</p>	<p>ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm họp một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm</p>	Điều chỉnh diễn đạt cho rõ nghĩa

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.	khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp	
18	Khoản 8 Điều 52	Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật các TCTD và quy định nội bộ của LPBank, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 27 Điều lệ này.	Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật các TCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 27 Điều lệ này.	Điều chỉnh để phù hợp với điểm h khoản 1 Điều 74 Luật các TCTD.
19	Khoản 1 Điều 31	Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm và/ hoặc bằng các phương thức điện tử để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với LPBank (bao gồm việc gửi thư điện tử, tin nhắn, thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của LPBank từng thời kỳ) và đồng	Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm và/ hoặc bằng các phương thức điện tử để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký với LPBank/ Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của LPBank. Việc gửi thông báo mời họp bằng các phương thức điện tử nêu trên và cách thức thực	Điều chỉnh để phù hợp với thực tế hoạt động và nội dung sửa đổi tại Điều lệ này

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		thời đăng trên trang thông tin điện tử của LPBank. Việc gửi thông báo mời họp bằng các phương thức điện tử nêu trên và cách thức thực hiện do HĐQT quyết định, phù hợp với quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.	hiện do HĐQT quyết định, phù hợp với quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.	
20	Khoản 1 Điều 32	<p>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp</p>	<p>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết/ bầu cử trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/ bầu cử tại cuộc họp.</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết/ bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử bằng phương tiện khác theo quyết định của HĐQT.</p>	Điều chỉnh để đảm bảo đầy đủ và phù hợp với thực tế hoạt động của LPBank

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của HĐQT.</p> <p>Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì Cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần và phiếu bầu của mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>Trường hợp cổ đông gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử theo phương thức nêu tại điểm d và điểm e khoản này thì cổ đông chỉ được coi là biểu quyết/ bầu cử khi Phiếu biểu quyết/ bầu cử được gửi đến LPBank (có văn bản xác nhận của LPBank/ Chủ tọa cuộc họp) trước thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì Cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần và phiếu bầu của mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</p>	
21	Điểm b khoản 1 Điều 56	<p>Chủ tọa và thư ký và những người ký tên phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT;</p>		<p>Lược bỏ và gộp với nội dung điều chỉnh tại Khoản 2 Điều 56 bên dưới</p>

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
22	Khoản 2 Điều 56	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii, và viii điểm a khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii, và viii điểm a khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ LPBank	Điều chỉnh để phù hợp khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp sửa đổi
23	Điều 57	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản 1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử	Bổ sung hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng phương tiện điện tử để đáp ứng yêu cầu hoạt động và phù hợp

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của LPBank và ngày cấp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về LPBank;</p>	<p>1. Để kịp thời giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử (bao gồm thư điện tử hoặc các hình thức thông điệp dữ liệu khác phù hợp theo quy định của Luật Giao dịch điện tử).</p> <p>2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của LPBank và ngày cấp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;</p>	với thực tế hoạt động của LPBank

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về LPBank theo quy định của LPBank.</p> <p>5. Việc kiểm phiếu, lập biên bản tổng hợp ý kiến phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác do Chủ tịch HĐQT yêu cầu. Biên bản tổng hợp ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của LPBank;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;</p>	<p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về LPBank;</p> <p>g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về LPBank theo quy định của LPBank. Trường hợp thành viên HĐQT gửi ý kiến thông qua phương tiện điện tử phải đảm bảo truyền đạt được đầy đủ ý kiến của mình tới Thư ký HĐQT. Ý kiến của thành viên HĐQT gửi qua phương tiện điện tử có giá trị tương đương ý kiến bằng văn bản. Quá thời hạn yêu cầu mà thành viên HĐQT chưa gửi ý kiến trả lời thì được xem như “không có ý kiến”.</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân tham gia khác (nếu có).</p> <p>6. Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản tổng hợp ý kiến kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>5. Việc kiểm phiếu, lập biên bản tổng hợp ý kiến phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT và các cá nhân khác do Chủ tịch HĐQT yêu cầu. Biên bản tổng hợp ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của LPBank;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân tham gia khác (nếu có).</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của LPBank.</p> <p>9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.</p>	<p>6. Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản tổng hợp ý kiến kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của LPBank.</p>	

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
			9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.	
24	Điểm o khoản 1 Điều 58	Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của LPBank;	Lược bỏ	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 52 Luật các Tổ chức tín dụng 2024.
25	Điều 64 và Điều 69	Điều 64. Chế độ tài chính 1. Chế độ tài chính của LPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật. 2. HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc LPBank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của LPBank. Điều 69. Tự chủ về tài chính	Chế độ tài chính 1. LPBank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật. 2. HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc LPBank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của LPBank	Gộp Điều 64 và Điều 69

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		LPBank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.		
26	Khoản 1 Điều 83	<p>1. Ngày hiệu lực:</p> <p>a) Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 11/02/2026.</p> <p>b) Điều lệ này thay thế Điều lệ của LPBank ngày 16/05/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.</p>	<p>1. Ngày hiệu lực:</p> <p>a) Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày</p> <p>b) Điều lệ này thay thế Điều lệ của LPBank ngày 11/02/2026 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.</p>	Cập nhật nội dung sau khi ban hành Điều lệ mới
27	Toàn bộ văn bản		Chỉnh sửa cấu trúc các chương, mục và điều khoản của Điều lệ	Để đảm bảo logic, khoa học, thuận tiện cho việc theo dõi, sử dụng



PHỤ LỤC 02: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Văn bản hiện tại: Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 1980/2024/QC-HĐQT

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điều 2. Giải thích từ ngữ và từ ngữ viết tắt	<p>Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Ủy ban: là các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro và các ủy ban khác.</p> <p>2. Người quản lý bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Người điều hành bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh khác do HĐQT của LPBank quy định từng thời kỳ.</p> <p>4. Ban Điều hành bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các thành viên khác do HĐQT quyết định.</p> <p>5. Từ ngữ viết tắt:</p> <p>a) Luật các TCTD: Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;</p> <p>b) NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p>	Không quy định	Lược bỏ nội dung này do đã cụ thể hóa tại Điều lệ LPBank

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		e) ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông; đ) HĐQT: Hội đồng Quản trị; e) TGD: Tổng Giám đốc.		
2	Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị	8. Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật các TCTD và quy định nội bộ của LPBank, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ LPBank.	8. Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật Các TCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ LPBank.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 70 Luật Các TCTD
3	Điều 5. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị	1. Giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ HĐQT giám sát TGD trong việc: a) Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin; b) Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định pháp luật; e) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;	Không quy định	Lược bỏ nội dung này, hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị sẽ được Hội đồng Quản trị ban hành theo văn bản riêng, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ.

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>d) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>2. Giám sát của quản lý cấp cao đối với quản lý rủi ro</p> <p>HĐQT giám sát TGD trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro trong việc:</p> <p>a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro;</p> <p>b) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.</p> <p>3. Giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn</p> <p>HĐQT giám sát TGD trong việc:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;</p> <p>b) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.</p>		

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		4. Các nội dung giám sát khác do HĐQT quy định.		
4	Điều 15. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	Không quy định	7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định thì Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền được triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời hạn (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.	Bổ sung Khoản 7 nhằm, thống nhất với Điều lệ
5	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	2. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên	Bổ sung theo quy định Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung.

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
			bản hợp. Người ký biên bản hợp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản hợp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản hợp theo quy định của Luật các TCTD, Điều lệ LPBank và pháp luật có liên quan.	
6	Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản	Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản	Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử	- Chính sửa tên Điều để phù hợp, thống nhất với nội dung quy định - Căn cứ Khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Giao dịch điện tử 2023, bổ sung nội dung về việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng phương tiện điện tử để đáp ứng yêu cầu hoạt động thực tế.
7		1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.	1. Để kịp thời giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị , Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử (bao gồm thư điện tử hoặc thông điệp dữ liệu khác phù hợp theo quy định của Luật Giao dịch điện tử).	
8		2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo	2. Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu	- Chính sửa làm rõ điều kiện để xác định quyết



4863
HÀNG
CỐ PH
HÀ
NAM
H BỊN

STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.	lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị hoặc qua thư điện tử, fax và hình thức phù hợp khác.	định của Hội đồng Quản trị được thông qua và thống nhất với Điều lệ - Chính sửa đổi đạt để thống nhất với Điều lệ
9		3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc/ địa chỉ sử dụng phương tiện điện tử của thành viên Hội đồng Quản trị	
10		4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về LPBank theo quy định của LPBank	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về LPBank theo quy định của LPBank. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị gửi ý kiến thông qua phương tiện điện tử phải đảm bảo truyền đạt được đầy đủ ý kiến của mình tới Thư ký Hội đồng Quản trị. Quá thời hạn mà thành viên Hội đồng Quản trị chưa gửi ý kiến trả lời thì được xem như “không có ý kiến”.	
11		6. Chủ tịch HĐQT, Thư ký HĐQT và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên	6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thư ký Hội đồng Quản trị và các cá nhân khác (nếu có) tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn	



STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		bản tổng hợp ý kiến; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	bản hoặc phương tiện điện tử phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
12		Không quy định	7. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên khác trong Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền (trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt).	
13		9. Quyết định được HĐQT thông qua với việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với một quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu: a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu	10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.	



STT	Tham chiếu	Các nội dung theo văn bản hiện hành	Các nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp các ý kiến đối lập có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch HĐQT chỉ định chủ trì việc lấy ý kiến (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt không thể gửi ý kiến);</p> <p>b) Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.</p>		
14	Điều 25. Hiệu lực thi hành	1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 642/2023/QC-HĐQT ngày 25/4/2023 của Hội đồng Quản trị..	1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký , và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 1980/2024/QC-HĐQT ngày 01/07/2024 của Hội đồng Quản trị.	Chỉnh sửa hiệu lực thi hành
15	Toàn văn bản		Chỉnh sửa dẫn chiếu và thể thức toàn văn bản	Phù hợp với Điều lệ sửa đổi và thể thức trình bày văn bản theo quy định nội bộ của LPBank.